

SỞ Y TẾ HÀ GIANG
BV ĐKKV QUANG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /CV-KD
V/v mời tham gia thẩm định giá

Quang Bình, ngày 15 tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Các doanh nghiệp thẩm định giá .

Bệnh viện Đa khoa huyện Quang Bình kính mời các Doanh nghiệp có chức năng thẩm định giá tham gia thẩm định giá các mặt hàng vật tư, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm y tế thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm và sinh phẩm y tế năm 2023-2024 của Bệnh viện đa khoa huyện Quang Bình tỉnh Hà Giang, để bệnh viện có cơ sở xây dựng đơn giá kế hoạch cho các gói thầu trên

Danh mục hàng hóa mời chào thẩm định giá (Đính kèm)

Nếu các doanh nghiệp thẩm định giá quan tâm, đề nghị gửi hồ sơ năng lực và bảng phí dịch vụ thẩm định giá về bệnh viện đa khoa huyện Quang Bình tỉnh Hà Giang chậm nhất 19/5/2023

Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ năng lực: Khoa dược - Bệnh viện đa khoa huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang, tổ 5 thị trấn Yên Bình, huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang: Điện thoại: 0912.896.446

Rất mong nhận được sự tham gia từ phía các doanh nghiệp

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website bệnh viện;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Đặng Phúc Diệp

DANH MỤC

(Kèm theo công văn số: / BV - KD ngày 15 tháng 05 năm 2023 của bệnh viện đa khoa huyện Quang Bình)

TT	MHH	Tên hàng hóa	Đặc tính,Thông số kỹ thuật , tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách đóng gói	Hãng SX/ Nước SX	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng
		1. Hoá chất, vật tư tương thích dùng cho máy điện giải 1						
1	G01.1	Hóa chất điện giải	*Thành phần: Standard A Solution, 800mL: Standard B 180mL: Wash Solution, 80mL ;Quy cách: 800ml/hộp	800ml/hộp	Medica-Mỹ	Mỹ	Hộp	11
2	G01.2	Dung dịch làm sạch hàng ngày để loại bỏ các cặn protein	Dung dịch làm sạch hàng ngày - Daily Cleaner Diluent- Pha loãng rửa hàng ngày: 1 lọ 90 ml, HCl (0,1N) và muối - Daily Cleaner Powder - Chất rửa hàng ngày dạng bột: 6 lọ, pepsin 0.5g; 1 lọ Rinse 90 mL + 6 lọ Pepsin	1 lọ Rinse 90 mL + 6 lọ Pepsin	Medica-Mỹ	Mỹ	Hộp	5
3	G01.3	Dung dịch kiểm chuẩn cho các xét nghiệm phân tích điện giải	*Dung dịch kiểm chuẩn cho các xét nghiệm phân tích điện giải với 3 mức: bình thường, cao và thấp;.Quy cách: Hộp 3 x 10 ml	Hộp.3 x 10 ml	Medica-Mỹ	Mỹ	Hộp	2
4	G01.4	Dung dịch kiểm chuẩn bình thường	*Dung dịch kiểm chuẩn gồm 2 mức bình thường và bất thường.Gồm muối, chất đệm, albumin lợn, chất bảo quản. pH mức bình thường 7.362-7.462: Quy cách: .Hộp 2 x 10 ml	.Hộp 2 x 10 ml	Medica-Mỹ	Mỹ	Hộp	3

14	G01.14	Hóa chất xét nghiệm Prothrombin Time (PT)	Hóa chất xét nghiệm Prothrombin Time (PT) dùng để đánh giá chức năng đông máu ở con đường ngoại sinh và con đường chung với mẫu huyết tương Thành phần gồm có: - Hoá chất Chiết xuất não thỏ > 10%, Sodium azide < 0,01% - Đệm CaCl ₂ chứa Sodium azide < 0,01%; Quy cách : Quy cách : 6 x2ml	Hộp 6 x2ml	Human-Đức	Đức	Hộp	7
15	G01.15	Bộ hóa chất cho xét nghiệm aPTT	Hóa chất xét nghiệm aPTT dùng để đánh giá chức năng đông máu ở con đường nội sinh và con đường chung với mẫu huyết tương.hoạt hóa (aPTT) Thành phần gồm có: - Hoá chất 1 (6x4ml): Cephalin não thỏ < 1.0%, ellagic acid, sodium azide < 0,01%; -Quy cách ;.6x4ml	Hộp 6x4ml	Human-Đức	Đức	Hộp	7
16	G01.16	Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Fibrinogen	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen dùng để đánh giá chức năng đông máu trong huyết tương Thành phần gồm có: - Hóa chất Fibrinogen dạng đông khô 5x2 ml , thành phần: + Thrombin người 80 - 100 IU/ml + Sodium azide < 0,01%. - Dung dịch đệm Imidazole Buffered Saline 1x100 mL , pH 7.4 ± 0.2, thành phần: + Imidazole 0,05 mol/l + Đệm và chất ổn định. - Chất chuẩn: Fibrinogen huyết tương tham chiếu (dạng đông khô) 2x1mL , thành phần: + Huyết thanh người + Sodium azide < 0,01%. ;Quy cách: 5x2ml	Hộp 5x2ml	Human-Đức	Đức	Hộp	7
17	G01.17	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm đông máu mức bình thường.	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để theo dõi hiệu suất các xét nghiệm đông máu thường quy mức bình thường. Hộp 6x1ml gồm có: Huyết tương người dạng đông khô, sodium azide < 0.01% ;.6x1ml	Hộp 6x1ml	Human-Đức	Đức	Hộp	3

18	G01.18	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm đông máu mức bất thường.	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để theo dõi hiệu suất các xét nghiệm đông máu thường quy mức bất thường. Hộp 6x1ml gồm có: Huyết tương người dạng đông khô, sodium azide < 0.01% ;.Quy cách: 6x1ml	Hộp 6x1ml	Human-Đức	Đức	Hộp	3
19	G01.19	Hóa chất hiệu chuẩn, dùng để xây dựng đường hiệu chuẩn xét nghiệm Prothrombin	Hóa chất hiệu chuẩn, được dùng hiệu chuẩn các xét nghiệm để phân tích Prothrombin Time (PT) và Antithrombin. Hộp 4x1ml (dạng đông khô) Calibrator chứa: Mẫu gộp huyết tương người, sodium azide < 0.01% ;Quy cách: 4x1ml	Hộp 4x1ml	Human-Đức	Đức	Hộp	3
20	G01.20	Thanh khuấy hóa chất	Thanh khuấy hóa chất ; 10 cái	10 cái	Human-Đức	Đức	Hộp	1
21	G01.21	Cuvette cho máy đông máu bán tự động	Cuvet dùng cho máy xét nghiệm đông máu ;;250 cái/hộp	250 cái/hộp	Human-Đức	Đức	Hộp	5
3, Hóa chất vật tư tương thích dùng cho nghiệm miễn dịch 1								
22	G01.22	Bộ hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang để định lượng Alpha Feto Protein (AFP)	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch AFP ; Quy cách: 25 test/hộp	25 test/hộp	Boditech-Hàn Quốc	Hàn Quốc	Hộp	6
23	G01.23	Bộ hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang để định lượng hsCRP	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch CRP ;Quy cách: 25 test/hộp	25 test/hộp	Boditech-Hàn Quốc	Hàn Quốc	Hộp	4

24	G01.24	Bộ hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang để định lượng Prostate Specific Antigen (PSA)	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch PSA ; 25 test/hộp	25 test/hộp	Boditech-Hàn Quốc	Hàn Quốc	Hộp	6
25	G01.25	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng CEA	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch CEA *;Quy cách : 25 test/hộp	25 test/hộp	Boditech-Hàn Quốc	Hàn Quốc	Hộp	4
26	G01.26	Bộ hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang để định lượng HbA1c	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch HbA1c Quy cách 25 test/hộp	25 test/hộp	Boditech-Hàn Quốc	Hàn Quốc	Hộp	32
27	G01.27	Bộ hóa chất xét nghiệm miễn dịch huỳnh quang để định lượng total β -hCG	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch β -hCG ;25 test/hộp	25 test/hộp	Boditech-Hàn Quốc	Hàn Quốc	Hộp	18
28	G01.28	Hóa chất xét nghiệm dùng để định lượng TSH	*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch TSH .;Quy cách 25 test/hộp	25 test/hộp	Boditech-Hàn Quốc	Hàn Quốc	Hộp	24
29	G01.29	Hóa chất xét nghiệm dùng để định lượng thyroxine (T4)	*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch (T4) trong huyết thanh/huyết tương người. *Quy cách: ;Quy cách 25 test/hộp	25 test/hộp	Boditech-Hàn Quốc	Hàn Quốc	Hộp	22
30	G01.30	Hóa chất xét nghiệm dùng để triiodothyronine (T3)	*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch T3) *Quy cách: 25 test/hộp	25 test/hộp	Boditech-Hàn Quốc	Hàn Quốc	Hộp	22

31	G01.31	Hóa chất xét nghiệm dùng để định lượng CRP	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch CRP ;Quy cách : 25 test/hộp	25 test/hộp	Boditech-Hàn Quốc	Hàn Quốc	Hộp	4
32	G01.32	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng chất chỉ điểm ung thư	Được dùng để kiểm soát chất lượng của xét nghiệm miễn dịch *Thành phần: marker Control được cung cấp ở dạng đông khô. - Chất kiểm chứng chứa dung dịch chuẩn gốc PSA, dung dịch chuẩn gốc AFP, dung dịch chuẩn gốc CEA và huyết thanh ngựa. Quy cách: 2 levels x 1 mL	Hộp 2 levels x 1 mL	Boditech-Hàn Quốc	Hàn Quốc	Hộp	4
33	G01.33	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng nhóm hormone	Được sử dụng trong chẩn đoán kiểm soát chất lượng của Kit xét nghiệm Hormone . Dạng đông khô. *Thành phần:Hormone Control level 1', Hormone Control level 2', - Control chứa dung dịch stock chuẩn PRL, dung dịch stock chuẩn TSH, dung dịch stock chuẩn FSH, gonadotropin màng đệm, human (hCG), dung dịch stock chuẩn LH, Hydrocortisone, Levothyroxine, Progesterone, Dung dịch stock chuẩn Testosterone, 3,3', 5-Triiodo -L-thyronine và huyết thanh ngựa.;Quy cách: 2 levels x 1 mL	Hộp 2 levels x 1 mL	Boditech-Hàn Quốc	Hàn Quốc	Hộp	4
34	G01.34	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng HbA1c	Control Được thiết kế để sử dụng trong chẩn đoán in vitro trong việc kiểm soát chất lượng của bộ kit xét nghiệm HbA1c Assay Kit. Dạng đông khô. *Thành phần: HbA1c Control level 1 HbA1c Control level 2', - Control có chứa HbA1c stock và huyết thanh ngựa;Quy cách 2 levels x 0,5 mL	Hộp 2 levels x 0,5 mL	Boditech-Hàn Quốc	Hàn Quốc	Hộp	4

35	G01.35	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng CRP	Được sử dụng trong việc kiểm soát chất lượng của xét nghiệm CRP Dạng lỏng. *Thành phần: CRP Control level 1', Control level 2' - Kiểm chuẩn control chứa kháng nguyên CRP stock và huyết thanh ngựa; Quy cách: 2 levels x 0,5 mL	Hộp 2 levels x 0,5 mL	Boditech-Hàn Quốc	Hàn Quốc	Hộp	4
36	G01.36	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng nhóm hormone	Được sử dụng trong chuẩn xét nghiệm chỉ điểm khối u . Dạng đông khô. *Thành phần: Calibrator level 1', Calibrator level 2' - Chất hiệu chuẩn calibrator chứa dung dịch stock chuẩn PSA, dung dịch stock chuẩn AFP, dung dịch stock chuẩn CEA và huyết thanh ngựa.; Quy cách : 2 levels x 1 mL	Hộp 2 levels x 1 mL	Boditech-Hàn Quốc	Hàn Quốc	Hộp	4
37	G01.37	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HbA1c	Được thiết kế sử dụng trong chẩn đoán in vitro trong hiệu chuẩn xét nghiệm Hormone. Dạng đông khô. *Thành phần: Hormone Calibrator level 1' - Chất hiệu chuẩn calibrator có chứa dung dịch stock chuẩn PRL, dung dịch stock chuẩn TSH, dung dịch stock chuẩn FSH, chorionic gonadotropin, con người (hCG), dung dịch stock chuẩn LH, Hydrocortisone, Levothyroxine, Progesterone, Dung dịch stock chuẩn Testosterone, 3,3', 5-Triiodo -L-thyronine và huyết thanh ngựa.; 2 levels x 1 mL	Hộp 2 levels x 1 mL	Boditech-Hàn Quốc	Hàn Quốc	Hộp	4
38	G01.38	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CRP	Được sử dụng trong chẩn đoán in vitro trong việc kiểm soát chất lượng của Bộ kit xét nghiệm CRP Assay Kit. Dạng lỏng. *Thành phần: CRP Control level 1', CRP Control level 2', - Kiểm chuẩn control chứa kháng nguyên CRP stock và huyết thanh ngựa; 2 levels x 0,5 mL	Hộp 2 levels x 0,5 mL	Boditech-Hàn Quốc	Hàn Quốc	Hộp	4

39	G01.39	Hóa chất dùng để định lượng ASO	*Hóa chất xét nghiệm miễn dịch để xác định định lượng (ASO) trong huyết thanh/huyết tương người. *Thành phần: - Cartridge chứa màng gọi là dải xét nghiệm có protein SLO ở vạch xét nghiệm và IgY gà ở vạch kiểm soát. - Đệm phát hiện có dung dịch đệm phát hiện đồng khô - Dung dịch pha loãng chứa anzergernt, *Quy cách: Gồm - 1 hộp 25 Cartridge, - 1 túi nhôm chứa ống đệm phát hiện: 25 đệm phát hiện - 1 ống pha loãng 13 ml; 25 test/hộp	25 test/hộp	Boditech-Hàn Quốc	Hàn Quốc	Hộp	4
4. Hóa chất, vật tư tương thích dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa 1:								
40	G01.40	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin trên máy sinh hóa	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin trên máy sinh hóa; quy cách: R: 4 x 250 mL + Std: 1x2mL; Thành phần gồm: Hóa chất: R - Succinate buffer, pH 4.20 - Bromocresol green: 0.2 mmol/L - Surfactant Chất chuẩn: Std -Albumin: 3.5 g/dL (35 g/L)	Hộp R: 4 x 250 mL + Std: 1x2mL;	Elitech- Pháp	Pháp	Hộp	4
41	G01.41	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT trên máy sinh hóa	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 5x100ml + R2: 1x127ml; Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Tris buffer, pH 7.50 -L-alanine: 680 mmol/L -LDH: ≥ 2000 U/L -Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng Hóa chất 2: R2 -Alpha-ketoglutarate: 97 mmol/L -NADH: 1,1 mmol/L	Hộp R1: 5x100ml + R2: 1x127ml;	Elitech- Pháp	Pháp	Hộp	8

42	G01.42	Hóa chất xét nghiệm định lượng Amylase trên máy sinh hóa;	Hóa chất xét nghiệm định lượng Amylase trên máy sinh hóa; quy cách: 6 x 50 ml; Thành phần gồm: - Good's buffer, pH 6.15 - CNP-G ₃ : 2,27 mmol/L	Hộp 6 x 50 ml;	Elitech- Pháp	Pháp	Hộp	2
43	G01.43	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT trên máy sinh hóa	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 5x100mL + R2: 1x127mL; Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Tris buffer, pH 7.8 -L-aspartate: 330 mmol/L -LDH: ≥ 2000 U/L -MDH: ≥ 1000 U/L -Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng Hóa chất 2: R2 -Alpha-ketoglutarate: 78 mmol/L	Hộp R1: 5x100mL + R2: 1x127mL;	Elitech- Pháp	Pháp	Hộp	11
44	G01.44	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Direct trên máy sinh hóa	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Direct mẫu huyết thanh/huyết tương người trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 1x100mL + R2: 1x25mL; tỉ lệ R2/R1: 1/4; Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1. -Sulfanilic acid: 29 mmol/L Hóa chất 2: R2 -Sodium nitrite: 11 mmol/L	Hộp R1: 1x100mL + R2: 1x25mL	Elitech- Pháp	Pháp	Hộp	6
45	G01.45	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Total trên máy sinh hóa	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Total mẫu huyết thanh/huyết tương người trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 2x100mL + R2: 1x50mL; tỉ lệ R2/R1: 1/4; Hóa chất 1: R1. -Sulfanilic acid: 29 mmol/L -Cetrimide: 29 mmol/L Hóa chất 2: R2 -Sodium nitrite: 11 mmol/L	Hộp R1: 2x100mL + R2: 1x50mL	Elitech- Pháp	Pháp	Hộp	6

46	G01.46	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol trên máy sinh hóa; quy cách	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol trên máy sinh hóa; quy cách: R: 4 x 250 ml + Std: 1x5 ml; Thành phần gồm: Hóa chất: R - Good's buffer, pH 6.7 - Phenol: 24 mmol/L - Cholesterol esterase: ≥ 180 U/L - Cholesterol oxidase : ≥ 200 U/L - Peroxidase : ≥ 1000 U/L - 4-aminoantipyrin (4-AAP): 0.5 mmol/L	Hộp: R: 4 x 250 ml + Std: 1x5 ml;	Elitech- Pháp	Pháp	Hộp	7
47	G01.47	Hóa chất xét nghiệm định lượng CK NAC trên máy sinh hóa	Hóa chất xét nghiệm định lượng CK NAC trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 2x50mL + R2: 1x26mL; tỉ lệ R2/R1: 1/4; Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 - Imidazole buffer, pH 6.10 (20°C) - D-Glucose: 25 mmol/L - NADP: 2.5 mmol/L - Hexokinase: ≥ 6800 U/L - Sodium azide: < 0.1% khối lượng/khối lượng Hoá chất 2: R2 - Imidazole buffer, pH 8.9 (20°C) - Creatine phosphate: 250 mmol/L - ADP : 15.2 mmol/L - G-6-PDH: ≥ 8800 U/L	Hộp R1: 2x50mL + R2: 1x26mL	Elitech- Pháp	Pháp	Hộp	5

48	G01.48	Hóa chất xét nghiệm định lượng CK-MB trên máy sinh hóa	Hóa chất xét nghiệm định lượng CK-MB trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 2x50mL + R2: 1x26mL; tỉ lệ R2/R1: 1/4; Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 - Imidazole buffer, pH 6.1 (20°C) - D-Glucose: 25 mmol/L - NADP: 2,5 mmol/L - Hexokinase : ≥ 6800 U/L - Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng Nồng độ kháng thể Anti-CK-M có trong R1 đủ để ức chế 2000 U/L CK-M ở 37°C Hóa chất 2: R2 - Imidazole buffer, pH 8.9 (20°C) - Creatinine phosphate: 250 mmol/L - ADP: 15,2 mmol/L - Diadenosine pentaphosphate: 103 mmol/L - G-6-PDH: ≥ 8800 U/L	Hộp R1: 2x50mL + R2: 1x26mL	Elitech- Pháp	Pháp	Hộp	3
49	G01.49	Hoá chất kiểm chuẩn, kiểm tra chất lượng xét nghiệm CK-MB;	Hoá chất kiểm chuẩn, kiểm tra chất lượng xét nghiệm CK-MB; quy cách: 4 x 3 mL/hộp Thành phần: Sản phẩm đông khô được chuẩn bị từ huyết thanh người và CK-MB người	Hộp 4 x 3 mL/hộp	Elitech- Pháp	Pháp	Hộp	2
50	G01.50	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine;	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine mẫu huyết thanh người trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 1x125ml + R2: 1x125ml + Std: 1x5ml; tỉ lệ R2/R1: 1/1; Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 - Picric acid 8.73 mmol/L Hóa chất 2: R2 - Sodium hydroxide: 0.31 mol/L - Diodium phosphate 12.5 mmol/L Chất chuẩn: Std - Creatinine: 2 mg/dL (177μmol/L)	Hộp R1: 1x125ml + R2: 1x125ml + Std: 1x5ml;	Elitech- Pháp	Pháp	Hộp	20

51	G01.51	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose trên máy sinh hóa	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose trên máy sinh hóa; quy cách: R: 4 x 250 ml + Std: 1x5ml; Thành phần gồm: Hóa chất: R - Phosphate buffer, pH 7.4 - Phenol: 10 mmol/L - 4-aminoantipyrin: 0.3 mmol/L - Peroxidase: ≥ 700 U/L - Glucose oxidase: ≥ 10000 U/L - Sodium azide: <0.1% khối lượng/khối lượng Chất chuẩn Std - D-glucose: 100 mg/dL (5.55 mmol/L)	Hộp 4 x 250 ml + Std: 1x5ml;	Elitech- Pháp	Pháp	Hộp	11
52	G01.52	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol HDL trên máy sinh hóa	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol HDL trên máy sinh hóa; quy cách: R1: 2x90ml + R2: 1x60ml; Thành phần gồm: Hoá chất 1: R1 -Buffer, pH 6.85 -N-(2-Hydroxy-3-sulfopropyl)-3,5-dimethoxyaniline sodium salt (HDAOS): ≥ 0.5 mmol/L -Peroxidase: ≥ 8000 U/L -Cũng chứa các hợp chất phot pho vô cơ và hữu cơ Hoá chất 2: R2 -Buffer, pH 8.15 -Cholesterol Oxidase: ≥ 2000 U/L -Cholesterol Esterase: ≥ 180 U/L -Peroxidase: ≥ 15000 U/L -4-aminoantipyrine: ≥ 2 mmol/L -Surfactant: 0.6 %	Hộp R1: 2x90ml + R2: 1x60ml;	Elitech- Pháp	Pháp	Hộp	4

53	G01.53	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol LDL trên máy sinh hóa	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol LDL trên máy sinh hóa; quy cách: R1: R1: 4x21ml + R2: 2x14ml; Thành phần gồm: Hoá chất 1: R1 -Buffer, pH 6.85 -N-(2-Hydroxy-3-sulfoopropyl)-3,5-dimethoxyaniline sodium salt (HDAOS): ≥ 0.5 mmol/L -Peroxidase: ≥ 5000 U/L -Các hợp chất photpho vô cơ và hữu cơ -Surfactant: 1% Hoá chất 2: R2 -Buffer, pH 8.15 -Cholesterol Oxidase: ≥ 2000 U/L -Cholesterol Esterase: ≥ 2000 U/L -Peroxidase: ≥ 20000 U/L -4-aminoantipyrine (4-AA): ≥ 2 mmol/L -Surfactant: 0.025 %	Hộp R1: R1: 4x21ml + R2: 2x14ml;	Elitech- Pháp	Pháp	Hộp	6
54	G01.54	Hoá chất chuẩn HDL và LDL Cholesterol;	Hoá chất hiệu chuẩn HDL và LDL Cholesterol; Quy cách: 4 x 1mL/hộp Thành phần: Huyết thanh người đông khô	4 x 1mL/hộp	Elitech- Pháp	Pháp	Hộp	2
55	G01.55	Hóa chất xét nghiệm định lượng Total Protein	Hóa chất xét nghiệm định lượng Protein toàn phần trong huyết tương/ huyết thanh người trên máy sinh hóa; ; quy cách: R: 4x250mL + Std: 1x5mL; Thành phần gồm: Hóa chất: R -Copper sulfate: 6 mmol/L -Sodium hydroxide: 490 mmol/L Cũng chứa iodide và muối tartrate cho hiệu suất tối ưu Chất chuẩn: Std -Albumin 6 g/ dL	Hộp R: 4x250mL + Std: 1x5mL;	Elitech- Pháp	Pháp	Hộp	9

56	G01.56	Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerides	*Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerides trong huyết tương/huyết thanh người trên máy xét nghiệm hóa sinh *Quy cách: R 4x250mL + Std 1x5mL *Thành phần: Hóa chất R - Good's buffer, pH 7.0 - P- chlorophenol: 2.7 mmol/L - ATP: 3.15 mmol/L - Amino- 4- antipyrine: 0.31 mmol/L - Lipoprotein lipase: ≥ 2000 U/L - Glycerol kinase: ≥ 500 U/L - Glycerol- 3- phosphate oxidase: ≥ 4000 U/L - Peroxidase: ≥ 500 U/L - Sodium azide: $<0.1\%$ (khối lượng/khối lượng) Cũng chứa muối magie, FAD và surfactants cho hiệu suất tối ưu Chất chuẩn: Std - Glycerol (tương tự triglycerides) 200 mg/dL	Hộp R 4x250mL + Std 1x5mL	Elitech- Pháp	Pháp	Hộp	8
57	G01.57	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea trong huyết tương/huyết thanh và nước tiểu người trên máy sinh hóa Quy cách R1: 5x100mL + R2: 1x127mL + Std: 1x5mL; tỉ lệ R2/R1: 1/4; Thành phần gồm: Hóa chất 1: R1 -Tris buffer, pH 7.60 (37°C) -Anpha-Ketoglutarate: 9 mmol/L -Urease: ≥ 8100 U/L -GIDH: ≥ 1350 U/L -Sodium azide: $<0.1\%$ (khối lượng/ khối lượng) Hóa chất 2: R2 -NADH: 1.3 mmol/L -Sodium azide: $<0.1\%$ (khối lượng/ khối lượng) Chất chuẩn: - Urea: 50 mg/dL (8.33 mmol/L)	Hộp R1: 5x100mL + R2: 1x127mL + Std: 1x5mL;	Elitech- Pháp	Pháp	Hộp	20

58	G01.58	Hóa chất xét nghiệm định lượng acid Uric	*Hóa chất xét nghiệm định lượng acid Uric trong huyết tương/ huyết thanh và nước tiểu người trên máy xét nghiệm hóa sinh. * Quy cách: 6x100ml + Std: 1x5ml *Thành phần: Hóa chất R: - Buffer, pH 7.0 (20-25°C) - EHSPT: 0.72 mmol/L - Amino- 4- antipyrine: 0.37 mmol/L - Uricase: ≥ 150 U/L - Peroxidase: ≥ 12000 U/L - Sodium azide: <0.1% (khối lượng/khối lượng) Chất chuẩn Std: - Uric acid: 6 mg/dL (357 μ mol/L) - Sodium azide: <0.5% (khối lượng/khối lượng)	Hộp 6x100ml + Std: 1x5ml	Elitech- Pháp	Pháp	Hộp	9
59	G01.59	Hoá chất kiểm chuẩn cho kết quả xét nghiệm mức thấp	Hoá chất kiểm chuẩn cho kết quả xét nghiệm thông thường cho các xét nghiệm hóa sinh Quy cách: 10 x 5 ml/hộp Thành phần: - Huyết thanh người đông khô	Hộp 10 x 5 ml/hộp	Elitech- Pháp	Pháp	Hộp	1
60	G01.60	Hoá chất kiểm chuẩn cho kết quả xét nghiệm mức cao	Hoá chất kiểm chuẩn cho kết quả xét nghiệm bất thường cho các xét nghiệm hóa sinh Quy cách: 10 x 5 ml/hộp Thành phần: - Huyết thanh người đông khô	Hộp 10 x 5 ml/hộp	Elitech- Pháp	Pháp	Hộp	1
61	G01.61	Hoá chất hiệu chuẩn cho mức thường quy	Hoá chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm thường quy Quy cách: 4 x 3 ml/hộp Thành phần: - Huyết thanh người đông khô	Hộp 4 x 3 ml/hộp	Elitech- Pháp	Pháp	Hộp	1
62	G01.62	Dung dịch dùng để rửa kim Probes và cuvette của máy xét nghiệm hóa	Dung dịch dùng để rửa máy xét nghiệm hóa sinh. Quy cách: SOL : 1 x 1 L Thành phần: - Sodium azide < 0.1 % (khối lượng/ khối lượng) - Cũng chứa chất hoạt động bề mặt.	chai 1 x 1 L	Elitech- Pháp	Pháp	Chai	35

63	G01.63	Dung dịch rửa, làm sạch kim hút bệnh phẩm/ hóa chất	*Dung dịch rửa, máy xét nghiệm sinh hóa tự động * Quy cách: 2 lít/can *Thành phần: KOH, chất hoạt động bề mặt không ion, chất hoạt động bề mặt polyanionic, chất đệm và chất ổn định.	Can 2 lít/can	Mindray- Trung Quốc	Trung Quốc	Can	15
64	G01.64	Cuvet phản ứng bằng nhựa dùng nhiều lần cho xét nghiệm sinh hóa	Cuvet phản ứng bằng nhựa dùng nhiều lần cho máy xét nghiệm sinh hóa : Quy cách 1 cái	1 cái	Mindray- Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	600
65	G01.65	Bóng đèn 20W dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Bóng đèn 20W dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa: Quy cách 1 cái	1 cái	Mindray- Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	4
5. Hóa chất, vật tư tương thích cho xét nghiệm sinh hóa 2								
66	G01.66	Hóa chất xét nghiệm Albumin trong máu	Hóa chất xét nghiệm dư lượng albumin trong máu dùng cho các máy xét nghiệm hóa sinh. ; Hộp 360 (6 x 60 ml, 1 x 2 ml STD)	Hộp 360 (6 x 60 ml, 1 x 2 ml STD)	PZ CORMAY S.A/ Ba Lan	Ba lan	Hộp	2
67	G01.67	Hóa chất xét nghiệm cholesterol trong máu	Hóa chất xét nghiệm dư lượng Cholesterol trong máu dùng cho các máy xét nghiệm hóa sinh.; Hộp 360(6 x 60ml, 1x 2ml STD)	Hộp 360(6 x 60ml, 1x 2ml STD)	PZ CORMAY S.A/ Ba Lan	Ba lan	Hộp	5
68	G01.68	Hóa chất xét nghiệm Creatinin trong máu	Hóa chất xét nghiệm dư lượng Creatinine trong máu dùng cho các máy xét nghiệm hóa sinh.;Hộp 300(5 x 48 ml, 1 x 60 ml)	Hộp 300(5 x 48 ml, 1 x 60 ml)	PZ CORMAY S.A/ Ba Lan	Ba lan	Hộp	6
69	G01.69	Hóa chất xét nghiệm Glucose trong máu	Hóa chất xét nghiệm dư lượng Glucose trong máu dùng cho các máy xét nghiệm hóa sinh. Hộp 360(6 x 60 ml, 1x2ml STD)	Hộp 360(6 x 60 ml, 1x2ml STD)	PZ CORMAY S.A/ Ba Lan	Ba lan	Hộp	6
70	G01.70	Hóa chất xét nghiệm Protein toàn phần trong máu	Hóa chất xét nghiệm dư lượng Protein trong máu dùng cho các máy xét nghiệm hóa sinh. . Hộp 360 (6 x 60 ml , 1 x 2ml STD)	Hộp 360 (6 x 60 ml , 1 x 2ml STD)	PZ CORMAY S.A/ Ba Lan	Ba lan	Hộp	1
71	G01.71	Hóa chất xét nghiệm Triglycerid trong máu	Hóa chất xét nghiệm dư lượng Triglycides trong máu dùng cho các máy xét nghiệm hóa sinh. Hộp 300(5 x 48ml, 1x60 ml)	Hộp 300(5 x 48ml, 1x60 ml)	PZ CORMAY S.A/ Ba Lan	Ba lan	Hộp	6

72	G01.72	Hóa chất xét nghiệm Urea trong máu	Hóa chất xét nghiệm dư lượng Ure trong máu dùng cho các máy xét nghiệm hóa sinh. Hộp 300(5 x 48ml, 1x60 ml)	Hộp 300(5 x 48ml, 1x60 ml)	PZ CORMAY S.A/ Ba Lan	Ba lan	Hộp	6
73	G01.73	Hóa chất xét nghiệm Acid uric trong máu	Hóa chất xét nghiệm dư lượng Uric axit trong máu dùng cho các máy xét nghiệm hóa sinh. Hộp 300(5 x 48ml, 1x60 ml)	Hộp 300(5 x 48ml, 1x60 ml)	PZ CORMAY S.A/ Ba Lan	Ba lan	Hộp	1
74	G01.74	Hóa chất xét nghiệm alpha - Amylase tụy trực tiếp trong máu	Hóa chất xét nghiệm dư lượng Amylase trong máu dùng cho các máy xét nghiệm hóa sinh.. Hộp 180 (6 x 30 ml)	Hộp 180 (6 x 30 ml)	PZ CORMAY S.A/ Ba Lan	Ba lan	Hộp	1
75	G01.75	Hóa chất xét nghiệm ALT/GPT trong máu	Hóa chất xét nghiệm dư lượng Alat (GPT) trong máu dùng cho các máy xét nghiệm hóa sinh.. Hộp 300(5 x 48ml, 1x60 ml)	Hộp 300(5 x 48ml, 1x60 ml)	PZ CORMAY S.A/ Ba Lan	Ba lan	Hộp	6
76	G01.76	Hóa chất xét nghiệm nồng độ AST/GOT trong máu	Hóa chất xét nghiệm dư lượng Asat (GOT) trong máu dùng cho các máy xét nghiệm hóa sinh. Hộp 300(5 x 48ml, 1x60 ml)	Hộp 300(5 x 48ml, 1x60 ml)	PZ CORMAY S.A/ Ba Lan	Ba lan	Hộp	6
77	G01.77	Hóa chất dùng để hiệu chuẩn các thông số xét nghiệm sinh hóa	Hóa chất dùng để chuẩn các thông số các dùng cho máy xét nghiệm hóa sinh. Lọ 5 ml	Lọ 5 ml	PZ CORMAY S.A/ Ba Lan	Ba lan	Lọ	5
78	G01.78	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn các thông số xét nghiệm sinh hóa	Hóa chất dùng để chuẩn các thông số các dùng cho máy xét nghiệm hóa sinh.. Lọ 5 ml	Lọ 5 ml	PZ CORMAY S.A/ Ba Lan	Ba lan	Lọ	5
79	G01.79	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn các thông số xét nghiệm sinh hóa	Hóa chất dùng để chuẩn các thông số các dùng cho máy xét nghiệm hóa sinh. . Lọ 5 ml	Lọ 5 ml	PZ CORMAY S.A/ Ba Lan	Ba lan	Lọ	5
80	G01.80	Dung dịch rửa máy sinh hóa	Dung dịch làm sạch dùng trong phòng thí nghiệm, vệ sinh máy. Chai 2500mL	Chai 2500mL	Merck KGaA/ Đức	Đức	Chai	10
6, Hóa chất, vật tư tương thích dùng cho hóa xét nghiệm huyết học 1								

81	G01.81	Dung dịch pha loãng	Thành phần hoạt tính: Sodium Chloride 3.0 - 5.5g/L; Sodium Sulfate Anhydrous 7.5 - 11.5g/L; Buffering Agents 1.0 - 3.0g/L; Anti-fungal and Anti-bacterial Agents 0.8 - 2.5g/L- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485- Đóng gói: Thùng 20 lít	Thùng 20 lít	Mindray/ Trung Quốc	Trung Quốc	Thùng	47
82	G01.82	Dung dịch rửa thường	- Thành phần hoạt tính: Sodium Sulfate Anhydrous 3.0 - 5.5g/L; Sodium Chloride 7.5 - 11.5g/L; Anti-fungal and Anti-bacterial Agents 1.0 - 3.0g/L Polyoxyethylene Ester 0.3 - 1.5g/L - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 - Đóng gói: Can 5,5 lít	Can 5,5 lít	Mindray/ Trung Quốc	Trung Quốc	Can	35
83	G01.83	Dung dịch pha vỡ hồng cầu	- Thành phần hoạt tính: Quarternary Ammonium Salts <50g/L; Nonion Surfactant <15g/L; Isopropanol 0.1-1.5ml/L; Ethanol <1.5ml/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 - Đóng gói: Chai 500 ml	Chai 500 ml	Mindray/ Trung Quốc	Trung Quốc	Chai	31
84	G01.84	Dung dịch rửa đậm đặc	- Thành phần hoạt tính: Proteolytic Enzym 3.0-10g/L; Surfactant 0.3-1.5g/L; Sodium Chloride 3.0-5.0g/L; Anti-fungal and Anti-bacterial Agents 0.5-2.5g/L; Buffering Agents 1.0-4.0g/L - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 - Đóng gói: Lọ 100 ml	Lọ 100 ml	Mindray/ Trung Quốc	Trung Quốc	Lọ	15
85	G01.85	Dung dịch rửa kim	Thành phần: - Surfactant: $\leq 0.2\%$ - Sodium hypochlorous: $\leq 12\%$ - Sodium hydroxide: $\leq 5\%$ - Chứng nhận: ISO, CE - Đóng gói: Lọ 50ml	Lọ 50ml	Mindray/ Trung Quốc	Trung Quốc	Lọ	15
86	G01.86	Hóa chất chuẩn máy huyết học	- Nội kiểm cho máy huyết học 3 thành phần, 3 mức Thấp-Trung-Cao. Hộp 6x3ml - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Quy cách: Bộ 3x3ml	Bộ 3x3ml	R&D Systems, Inc/ Hoa Kỳ	Hoa Kỳ	Bộ	5
7, Hóa chất, vật tư tương thích dùng cho xét nghiệm huyết học 2								

87	G01.87	Dung dịch pha loãng máu cho đếm tế bào	Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học Thành phần: Natri clorid, Sulfate Can 18 Lít	Can 18 Lít	Nihon Kohden Corporation/ Nhật Bản	Nhật Bản	Can	7
88	G01.88	Dung dịch ly giải màng tế bào hồng cầu cho phân tích Hemoglobin	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Thành phần: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích dương Can 500mL	Can 500mL	Nihon Kohden Tomioka Corporation/ Nhật Bản	Nhật Bản	Can	7
89	G01.89	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Độ pH: 7,7 đến 8,3 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Polyoxyethylene nonylphenyl ether và Ethylene glycol monophenyl ether Can 5 lít	Can 5 lít	Nihon Kohden Corporation/ Nhật Bản	Nhật Bản	Can	7
90	G01.90	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học loại đậm đặc	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Thành phần: Dung dịch Natri hypoclorit Quy cách: Can 5 Lít	Can 5 lít	Nihon Kohden Corporation/ Nhật Bản	Nhật Bản	Can	7
91	G01.91	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học để nội kiểm mức thường	Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học Thành phần: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú Quy cách: Lọ 2mL	Lọ 2mL	R&D Systems, Inc (sản xuất cho Nihon Kohden Corporation)/ Mỹ	Mỹ	Lọ	7
8, Hoá chất vật tư tương thích dùng cho máy đo tốc độ máu lắng								
92	G01.92	Ống chứa mẫu dùng cho xét nghiệm đo tốc độ máu lắng	Ống đo tốc độ máu lắng ; Quy cách 10 x 100 ống	Hộp 10 x 100 ống	SFRI- Pháp	Pháp	Hộp	1
93	G01.93	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm đo tốc độ máu lắng	Hóa chất kiểm chuẩn :Quy cách: 9ml/lọ; 9 ml/lọ	Hộp 9 ml/lọ	SFRI- Pháp	Pháp	Hộp	1
94	G01.94	IVD giấy in dùng cho máy xét nghiệm máu lắng	Giấy in ; Hộp 1 cuộn	Hộp 1 cuộn	SFRI- Pháp	Pháp	Hộp	10
9. Hóa chất vật tư tương thích dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu								

95	G01.95	Que thử nước tiểu 11 thông số	Que thử nước tiểu tương thích sử dụng trên máy nước tiểu AU 600 của hãng Mindray/ Trung Quốc - 11 thông số gồm: Urobilinogen, Bilirubin, Ketone, Blood, Protein, Nitrite, Leukocytes, Glucose, Specific Gravity, Ascorbic Acid, pH. - Đóng gói: Hộp 100 test/ hộp	Hộp 100 test/ hộp	Acon Biotech/ Trung Quốc	Trung Quốc	Hộp	150
II-C SINH PHẨM KHÁC								
96	G02.96	Test thử xét nghiệm kháng nguyên HBsAg	Phát hiện định tính sự có mặt kháng nguyên vius viêm gan B trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương.	Test	Công ty CP SXKD Sinh phẩm chẩn đoán Y tế Việt Mỹ/Việt Nam	Việt Nam	Test	1500
97	G02.97	Test thử xét nghiệm kháng nguyên HBsAg	Phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh hoặc huyết tương -đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Test	Công ty TNHH Medicon;Việt Nam	Việt Nam	Test	1500
98	G02.98	Test thử xét nghiệm các type kháng thể virus HIV	Phát hiện tất cả các type kháng thể kháng virus HIV	Test	Biotest / Trung Quốc	Trung Quốc	Test	1000
99	G02.99	Test thử xét nghiệm các type kháng thể virus HIV	Phát hiện định tính kháng thể kháng virus HIV	Test	Công ty CP SXKD Sinh phẩm chẩn đoán Y tế Việt Mỹ/Việt Nam	Việt Nam	Test	1000
100	G02.100	Test thử xét nghiệm các type kháng thể virus HIV	Định tính phát hiện kháng thể kháng HIV.	Test	Công ty TNHH Medicon;Việt Nam	Việt Nam	Test	1000
101	G02.101	Test thử ma túy 4 trong 1 (MET/THC/AMP /Morphin)	Đạt tiêu chuẩn ISO: 13485;	Test	Biotest / Trung Quốc	Trung Quốc	Test/ Que	300
102	G02.102	Test thử ma túy Morphin 1 chân	Tes nhanh xét nghiệm Morphin 1 chân , Tiêu chuẩn chất lượng ISO: 13485	Test	Công ty TNHH Medicon;Việt Nam	Việt Nam	Test	200
103	G02.103	Test thử nhanh phát hiện kháng thể virus viêm gan HCV	Phát hiện định tính kháng thể Virus viêm gan C- Tiêu chuẩn chất lượng ISO: 13485	Test	InTec Products Inc.- Trung Quốc	Trung Quốc	Test	1500
104	G02.104	Test thử nhanh phát hiện kháng thể virus viêm gan HCV	Phát hiện định tính kháng thể Virus viêm gan C- Tiêu chuẩn chất lượng ISO: 13485	Test	Công ty TNHH Medicon;Việt Nam	Việt Nam	Test	1000

105	G02.105	Test thử nhanh phát hiện kháng thể virus viêm gan HAV	Đạt tiêu chuẩn ISO: 13485- Định tính phát hiện kháng thể HAV trong huyết thanh huyết tương	Test	Công ty TNHH Medicon;Việt Nam	Việt Nam	Test	500
106	G02.106	Test thử nhanh phát hiện kháng thể virus viêm gan HEV	Đạt tiêu chuẩn ISO: 13485- Định tính phát hiện kháng thể HEV trong huyết thanh huyết tương	Test	Công ty TNHH Medicon;Việt Nam	Việt Nam	Test	500
107	G02.107	Test thử nhanh phát hiện kháng nguyên vi rút cúm A/B	Đạt tiêu chuẩn ISO: 13485- Định tính phát hiện kháng nguyên vi rút cúm A/B	Test	InTec Products Inc.- Trung Quốc	Trung Quốc	Test	2000
108	G02.108	Test nhanh phát hiện kháng nguyên H.pylori trong mẫu phân người	định tính phát hiện kháng thể kháng H. pylori trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người.	Test	Acon Biotech (Hangzhou) Co., Ltd.;Trung Quốc	Trung Quốc	Test	300
109	G02.109	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh không cần nước	Hoạt chất: Ethanol 73,5% (w/w), IChlorhexidine digluconate 0,5% (w/w). Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, Caprylic triglyceride, Isopropyl myristate, Olive Oil PEG-7 Esters... Chai 1000ml	Chai 1000ml	LAVITEC/Việt Nam	Việt Nam	Chai	100
110	G02.110	Xà phòng rửa tay phẫu thuật	Chlorhexidine digluconate 4,0 % Glyceryl Cocoate. Chất hoạt động bề mặt: Lauryl amine oxide, Chất khóa ion nước cứng: EDTA Chai 1000ml	Chai 1000ml	LAVITEC/Việt Nam	Việt Nam	Chai	10
111	G02.111	Dung dịch rửa tay phẫu thuật	Chlorhexidine digluconate 4,0 % (w/w); Poly(hexamethylene biguanide) hydrochloride 0,1 % (w/w). Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, PEG-7 Glyceryl Cocoate. Chất khóa ion nước cứng: EDTA Disodium Chai 500ml	Chai 500ml	LAVITEC/Việt Nam	Việt Nam	Chai	100
112	G02.112	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ y tế bao gồm cả dụng cụ nội soi không chịu nhiệt, có chứa OPA.	Ortho-Phthalaldehyde 0,55% (w/w), hệ đệm pH =7-9. Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 5 phút. Tặng kèm test thử. Can 5L	Can 5L	LAVITEC/Việt Nam	Việt Nam	can	170
113	G02.113	Viên nén khử khuẩn các bề mặt cứng	Dùng để khử khuẩn dụng cụ, khử khuẩn thiết bị y tế và khử khuẩn bề mặt Thành phần: 50% w/w Sodium Dichloroisocyanurate (2,5 gram Sodium Dichloroisocyanurate	.Viên	Medentech Limited - Ai Len	Ai Len	Viên	2,500
114	G02.114	Cồn tuyệt đối 1000ml	Nồng độ Ethanol 99,9 %- Thể tích 100ml, Đạt tiêu chuẩn ISO13485	chai	Thuận Phát - Việt Nam	Việt Nam	Chai	20
115	G02.115	Cồn 96 độ được dụng	Nồng độ Ethanol 96%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Lít	Thuận Phát - Việt Nam	Việt Nam	Lít	30

116	G02.116	Dầu Parafin vô khuẩn	Không mùi, không vị . Không hòa tan trong nước và ethanol.	Lít	Thuận Phát - Việt Nam	Việt Nam	Lít	30
117	G02.117	Vòi sô đa "Dùng để hấp thụ khí CO2 trong phòng chống độc"	Dùng để hấp thụ CO2 trong phòng chống độc-thành phần chính là hỗn hợp canxi Hydroxit (Ca(OH)2) và natri Hydroxit (NaOH)- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Can	Molecular Products Ltd - Anh	Anh	Can	25
118	G02.118	Gel điện tim	được sử dụng trong các điện cực chuẩn đoán kỹ thuật số. Quy cách: Chai/250 ml	Tube	Turkuaz Medikal, Kozmetik ve Dis Tic. Ltd Sti - Thổ Nhĩ Kỳ/Việt nam	Việt Nam	tube	50
119	G02.119	Gel siêu âm	Trong suốt, không màu hoặc màu xanh, dễ dàng tan trong nước và dễ dàng rửa sạch bằng nước thường. ISO 13485:2016. Can 5 lít	Can 5 lít	Việt Nam/Công ty cổ phần Merufa	Công ty cổ phần Merufa	Can	100
120	G02.120	Gel nội soi	Gồm:Water cất, Hydroxyethyl cellulose, glycaerine, natri hydroxid, sodium benzoat.Giới hạn nhiễm khuẩn:-Mẫu thử phải không có sự hiện diện của các vi khuẩn sau:Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Candida albicans. ISO 13485:2016. CE	Tube	Việt Nam/Công ty cổ phần Merufa	Công ty cổ phần Merufa	Tube	100
121	G02.121	Khí ÔXY bình (40 lít)	Tiêu chuẩn y tế : Độ tinh khiết ≥ 99,6 % dạng khí nén trong chai có dung tích 40 lít, áp xuất sử dụng ≥ 135 bar:	Bình 40 lít	Công ty TNHH khí công nghiệp Messer Hải Phòng - CN Hải Dương/ Chiết nạp tại Công ty TNHH khí công nghiệp Đông Anh (Việt Nam)	Việt Nam	Bình	900
122	G02.122	Khí ÔXY bình (7- 10 lít)	Tiêu chuẩn y tế : Độ tinh khiết ≥ 99,6 % dạng khí nén trong chai có dung tích 40 lít, áp xuất sử dụng ≥ 135 bar:	Bình 7- 10 lít	Công ty TNHH khí công nghiệp Messer Hải Phòng - CN Hải Dương/ Chiết nạp tại Công ty TNHH khí công nghiệp Đông Anh (Việt Nam)	Việt Nam	Bình	200
123	G02.123	Huyết thanh mẫu anti A,	thuốc thử của xét nghiệm có dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào ISO-13485	Lọ	Spectrum Diagnostics - Ai Cập/ 810002	Ai Cập	Lọ	15
124	G02.124	Huyết thanh mẫu anti AB,	thuốc thử của xét nghiệm có dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào ISO-13485	Lọ	Spectrum Diagnostics - Ai Cập/ 814002	Ai Cập	Lọ	15
125	G02.125	Huyết thanh mẫu anti B	thuốc thử của xét nghiệm có dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào . ISO-13485	Lọ	Spectrum Diagnostics - Ai Cập/ 816002	Ai Cập	Lọ	15

126	G02.126	Huyết thanh mẫu Anti D(Rh1)IgMI	Thuốc thử của xét nghiệm có dẫn xuất từ tế bào dòng lai Anti-D. ISO-13485	Lọ	Spectrum Diagnostics - Ai Cập/ 822002	Ai Cập	Lọ	11
127	G02.127	Giấy điện tim 3 cần	Dùng cho máy điện tim 3 cần. KT: 63MM X 30M X 16MM	Cuộn	Dongguan Tianyin Paper Industry Co., Ltd;Trung Quốc	Trung Quốc	Cuộn	200
128	G02.128	Giấy điện tim 6 cần	Kích thước 110mm x 140mm x 143 sheets, phù hợp với máy của bệnh viện. Tiêu chuẩn ISO 13485, EC	Tập	Dongguan Tianyin Paper Industry Co., Ltd;Trung Quốc	Trung Quốc	Tập	500
129	G02.129	Giấy in máy nước tiểu	Chiều rộng 5,5 cm. Tiêu chuẩn ISO 13485	Cuộn	Dongguan Tianyin Paper Industry Co., Ltd;Trung Quốc	Trung Quốc	Cuộn	500
130	G02.130	Giấy in nhiệt	Giấy in nhiệt Chiều rộng 5,7cm. KT: 57MM X 30M X 16MM	Cuộn	Dongguan Tianyin Paper Industry Co., Ltd;Trung Quốc	Trung Quốc	cuộn	500
131	G02.131	Giấy in siêu âm USP-110S	Kích thước: 110mm x 20mm ± 5%. Dạng cuộn. Giấy dùng trong y tế, dùng để in hình ảnh siêu âm đen trắng cho các dòng máy in siêu âm của hãng Sony. 10 cuộn/ hộp	Cuộn	Hàn Quốc - UST C&T	UST C&T	Cuộn	500
132	G02.132	Mũ giấy đã tiệt trùng	Sản phẩm mũ phẫu thuật được sản xuất từ chất liệu không dệt Polypropylen cao cấp, đã tiệt trùng, được dùng trong phòng mổ, phòng phẫu thuật	Cái	An Phú - Việt Nam	Việt Nam	Cái	4,000
133	G02.133	Dây garo cao su	ISO	Cái	Cao su tháng 5 - Việt Nam	Việt Nam	Cái	100
134	G02.134	Lam kính	Độ dày: 1.0-1.2 mm. Kích thước: 25.4 x 76.2mm(1” x 3”) ±1mm.	Hộp	Zhejiang Renon Medical Instrument Co., Ltd;Trung Quốc	Trung Quốc	Hộp	15
135	G02.135	Lam kính mài	Độ dày: 1.0-1.2 mm. Kích thước: 25.4 x 76.2mm(1” x 3”) ±1mm. Kính mài mờ 1 đầu.	Hộp	Zhejiang Renon Medical Instrument Co., Ltd;Trung Quốc	Trung Quốc	Hộp	15
136	G02.136	Lamen	Chất liệu bằng thủy tinh borosilicate sử dụng để quan sát dưới kính hiển vi huỳnh quang. Tiêu bản hình vuông kích cỡ 22x22mm	Hộp	Paul Marienfeld GmbH & Co. KG;Đức	Đức	Hộp	15
137	G02.137	Nhiệt kế thủy ngân	- Được làm từ thủy tinh trong suốt, bên trong có vạch chia độ và dải thủy ngân - Nhiệt độ đo được tối đa 35-42°C	cái	Dong-E E-Jiao E-Hua Medical Equipment Co., Ltd;Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	200

	III. VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO							
		Nhóm 1. Băng, dung dịch sát khuẩn, rửa vết thương						
		1.1. Băng						
138	G03.138	Băng hút nước y tế	- Tốc độ hút nước: < 8 s; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	kg	Danameco/Việt Nam	Việt Nam	Kg	150
		Nhóm 2. Băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương						
		2.1. Băng						
		Băng bột bó, vải lót bó bột, tất lót bó bột các loại, các cỡ						
139	G03.139	Băng bó Bột cỡ 10cm x 4,6m	Băng được cuộn, chiều rộng 10cm ; chiều dài 4.6m. Băng. Khả năng thấm nước tốt,	cuộn	Anji Sunlight Medical Products Co.,Ltd;Trung Quốc	Trung Quốc	Cuộn	300
140	G03.140	Băng bó Bột cỡ 15cm x 4,6m	Băng được cuộn Kích thước chiều rộng 15cm ; chiều dài 4.6m. Băng được bao phủ hoàn toàn gạc thấm.	cuộn	Anji Sunlight Medical Products Co.,Ltd;Trung Quốc	Trung Quốc	Cuộn	300
141	G03.141	Băng bó Bột cỡ 10cm x 2,7m	Băng được cuộn kích thước chiều rộng 10cm; chiều dài 2,7m bột mềm mịn, không thấm nước,	cuộn	Công ty TNHH Hameco Hưng Yên - Việt Nam	Việt Nam	Cuộn	300
142	G03.142	Băng bó Bột cỡ 15cm x 2,7m	Băng được cuộn kích thước chiều rộng 15 cm; chiều dài 2,7m băng lót bó bột mềm mịn, không thấm nước,.	cuộn	Công ty TNHH Hameco Hưng Yên - Việt Nam	Việt Nam	Cuộn	300
143	G03.143	Băng bó bột cỡ 20cm x 4,6m	Băng được cuộn, chiều dài 4,6m, chiều rộng 20cm, khả năng thấm nước tốt, trơn mịn, đông kết tốt . . Đạt tiêu chuẩn ISO; CE;	cuộn	Công ty TNHH Hameco Hưng Yên - Việt Nam	Việt Nam	Cuộn	300
		Băng chun, băng đàn hồi các loại, các cỡ						
144	G03.144	Băng thun y tế 2 móc 7,5 cm x 4,5m	Băng cuộn kích thước chiều rộng 7,5cm; chiều rộng 4,5m • Có móc cài bằng nhôm	Cuộn	An Lành - Việt Nam	Việt Nam	Cuộn	100
145	G03.145	Băng thun y tế 3 móc 10 cm x 4,5m	Băng cuộn kích thước chiều rộng 10cm; chiều rộng 4,5m • Có móc cài bằng nhôm , không gây kích ứng da	Cuộn	An Lành - Việt Nam	Việt Nam	Cuộn	100
		Băng cuộn, băng cá nhân các loại, các cỡ						

146	G03.146	Băng cuộn 10cm x 5 m	Kích thước: 10cm x 5m. được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao,. 10 cuộn/ gói	cuộn	An Lành - Việt Nam	Việt Nam	Cuộn	5000
		2.2. Băng dính						
147	G03.147	Băng dính cuộn vải lụa y tế 5cm x 5m	Kích thước 5cm x 5m. Được tạo thành từ nguyên liệu vải lụa, Băng vải lụa keo được sử dụng là kèm oxyt; Acrylic..	cuộn	Urgo - Thái Lan	Thái lan	Cuộn	3500
148	G03.148	Băng dính vô trùng cố định kim luồn	Băng dính vô trùng không thấm nước, không gạc, cố định kim luồn size 60x70 mm. Miếng	Miếng	Công ty CP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare;Việt Nam	Việt Nam	Miếng	1000
		2.3 Gạc, băng gạc điều trị các vết thương						
		Gạc alginate các loại, các cỡ						
		Gạc các loại, các cỡ						
149	G03.149	Gạc hút y tế khổ 1.2m	Kích thước 1,2m được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có hóa chất tẩy trắng, . Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột :	Mét	An Lành - Việt Nam	Việt Nam	Mét	15000
150	G03.150	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 12 lớp vô trùng	Kích thước 10cm x 10cm x 12 lớp vô trùng được dệt từ sợi 100% cotton; Đạt tiêu chuẩn , ISO 13485.	Miếng	An Lành - Việt Nam	Việt Nam	Miếng	4000
151	G03.151	Gạc phẫu thuật không dệt 7.5cm x 7.5cm x 6 lớp vô trùng	Kích thước 7,5cm x 7,5cm x 6 lớp vô trùng, được sản xuất từ vải không dệt thấm hút nhanh. mềm, mịn, có màu trắng đồng nhất. Không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, Tiệt trùng bằng khí EO.Gas..	cái	An Lành - Việt Nam	Việt Nam	cái	6000
152	G03.152	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 40cm x 6 lớp vô trùng cản quang	kích thước 30cm x 40cm x 6 lớp Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Có sợi cản quang để kiểm tra sót gạc..	Miếng	An Lành - Việt Nam	Việt Nam	Miếng	6000
		Miếng dán sát khuẩn các loại, các cỡ						
		Miếng cầm máu mũi các loại, các cỡ						
153	G03.153	Miếng cầm máu mũi các loại, các cỡ	Vật liệu cầm máu mũi kích thước 80x15x20mm.	Miếng	Genco, Thổ Nhĩ kỳ	Thổ Nhĩ kỳ	Miếng	50
		3.1 Bơm tiêm						
		Bơm sử dụng để bơm thức ăn cho người bệnh các loại, các cỡ						

154	G03.154	Bơm cho ăn 50ml	Bơm tiêm cho ăn 50 ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	MPV - Việt Nam	Việt Nam	Cái	1000
		Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động các loại, các cỡ						
155	G03.155	Bơm tiêm 50 ml sử dụng cho bơm tiêm điện	Bơm tiêm 50ml Đạt tiêu chuẩn ;ISO 13485	Cái	Kofu Factory of Terumo Corporation;Nhật Bản	Nhật Bản	Cái	200
		Bơm tiêm insulin các loại, các cỡ						
156	G03.156	Bơm tiêm Insulin 1 ml / 100UI	Bơm kim tiêm dùng 1 lần, thể tích 100UI/1ml, có kim 30Gx1/2" (0.3x12mm). đầu kim vát 3 mặt phủ Silicon. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485,	Cái	Almo-Erzeugnisse Erwin Busch GmbH/Đức	Đức	Cái	1000
157	G03.157	Bơm tiêm Insulin 1 ml /40UI	Bơm kim tiêm dùng 1 lần, thể tích 40UI/1ml, có kim 30Gx1/2" (0.3x12mm). đầu kim vát 3 mặt phủ Silicon. . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485,	Cái	Almo-Erzeugnisse Erwin Busch GmbH/Đức	Đức	Cái	1000
		Bơm tiêm liền kim dùng một lần các loại, các cỡ						
158	G03.158	Bơm tiêm 50ml	Bơm tiêm 50ml, Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	MPV - Việt Nam	Việt Nam	Cái	2000
159	G03.159	Bơm tiêm 1ml	Bơm tiêm 1ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	MPV - Việt Nam	Việt Nam	Cái	100
160	G03.160	Bơm tiêm 5ml	Bơm tiêm 5 ml, Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	MPV - Việt Nam	Việt Nam	Cái	75000
161	G03.161	Bơm tiêm 10ml	Bơm tiêm 10 ml, Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	MPV - Việt Nam	Việt Nam	Cái	70000
162	G03.162	Bơm tiêm 20ml	Bơm tiêm 20ml, Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	MPV - Việt Nam	Việt Nam	Cái	6000
		Kim cánh bướm các loại, các cỡ						
163	G03.163	Kim cánh bướm 23G, 25G	Kim cánh bướm các số 23G;25G, Dây dẫn được sản xuất từ nhựa nguyên sinh, mềm dẻo, độ đàn hồi cao, không gây gập gãy Kim được sản xuất từ thép không gỉ, sắc nhọn vát 3 cạnh.	Cái	MPV - Việt nam	Việt Nam	Cái	20000
		Kim trích máu các loại, các cỡ						
164	G03.164	Kim trích máu	Kim các số lấy máu mao mạch cho các xét nghiệm máu..	Cái	Henso Medical - Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	500

		Kim lấy máu, lấy thuốc các loại, các cỡ						
165	G03.165	Kim lấy máu, lấy thuốc Số 18G; 20G	Kim số 18G; 20G, Vi dụng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485	Cái	MPV - Việt Nam	Việt Nam	Cái	40000
		Kim luồn mạch máu các loại, các cỡ						
166	G03.166	Kim luồn tĩnh mạch trẻ em, sơ sinh số 24G	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cổng tiêm thuốc - Ống thông chất liệu PTFE, + 24G: 0.5-0.7; 19mm; 20 ml/ phút - Kim bằng thép không gỉ, đầu kim 3 mặt vát có phủ Silicon. - Cánh làm từ vật liệu PP cấp độ y tế, có các lỗ khâu trên cánh. - Tiệt trùng bằng khí EO	Cái	Lars Medicare Pvt Ltd / Ấn Độ	Ấn Độ	Cái	3000
167	G03.167	Kim luồn tĩnh mạch trẻ em, sơ sinh số 24G	- Kim luồn tĩnh mạch có cánh, không chứa chất thuốc, có đầu bảo vệ bằng nhựa. • Catheter ống kháng xoắn, chắn bức xạ đặc biệt, dễ truyền với lưu lượng tối ưu. • Catheter sản xuất từ nguyên liệu sinh học tương thích cao giúp thời gian lưu kim dài hơn, đến 72h • Size kim - lưu lượng dòng chảy: 24G: Ø 0.7/19mm - 23ml/min • Tiệt trùng bằng khí EO TCCL: ISO, CE.	Cái	Poly Medicure Limited - Ấn Độ	Ấn Độ	Cái	4000
168	G03.168	Kim luồn mạch máu các loại, số 22G	Kim luồn tĩnh mạch có cánh có cổng tiêm thuốc. Kim phủ silicon, mũi kim backcut tạo độ bén tối đa giảm tổn thương da. Catheter làm bằng vật liệu PTFE. Trên cánh có cổng bơm thuốc một chiều. Đường kính (mm) x chiều dài (mm)- tốc độ dòng (ml/phút) tương ứng các cỡ: 0.9 x 25-33 (22G). Tiêu chuẩn ISO 13485, CE. 100 cái/hộp x 10 hộp/kiện	Cái	Polybond-Ấn Độ	Ấn Độ	Cái	19500
169	G03.169	Kim luồn mạch máu các loại, số 18G	Kim chất liệu ETFE không bị gãy gập, có độ vát sắc, gọn, thuận lợi cho việc chọc tĩnh mạch cũng như chọc động mạch, Kim sắc số 18G x 1.16", .	Cái	Medifirst Hàn Quốc	Hàn Quốc	Cái	2000
170	G03.170	Kim luồn mạch máu các loại, số 20G	- Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cổng tiêm thuốc - Ống thông chất liệu PTFE, thời gian lưu trong lòng mạch 72h + 20G: 0.8-1.1; 32mm; 60 ml/ phút đầu kim 3 mặt vát có phủ Silicon. - Tiệt trùng bằng khí EO	Cái	Lars Medicare Pvt Ltd / Ấn Độ	Ấn Độ	Cái	2000
		Kim tiêm dùng một lần các loại, các cỡ						
171	G03.171	Kim tiêm nha khoa	Kích Cỡ kim: 27G- - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, EC.	Cái	Kofu Factory of Terumo Corporation;Nhật Bản	Nhật Bản	Cái	200
		3.3 Kim chọc dò, sinh thiết và các loại kim khác						

		Kim chọc, kim chọc dò các loại, các cỡ						
172	G03.172	Kim chọc dò gây tê tùy sống	Kim chọc dò, gây tê tùy sống - Kim được làm từ thép không rỉ " Cỡ 18G- 25G chiều dài kim 90mm "- Cỡ 27G chiều dài 90mm "có kim dẫn đường 22G x38mm".	Cái	/Dr Japan Co., LTD / Nhật Bản	Nhật Bản	Cái	300
173	G03.173	Kim chọc dò gây tê tùy sống	• Kimchọc dò gây tê tùy sống đầu Quinck có 3 mặt vát sắc. + Kim 18G $3\frac{1}{2}$: chiều dài: 88mm ($3\frac{1}{2}$ inch), đường kính: 1.3 mm (Gauge 18). + Kim 20G $3\frac{1}{2}$: chiều dài: 88mm ($3\frac{1}{2}$ inch), đường kính: 0.9 mm (Gauge 20). + Kim 22G $1\frac{1}{2}$: chiều dài: 40mm ($1\frac{1}{2}$ inch), đường kính: 0.7 mm (Gauge 22). + Kim 22G $3\frac{1}{2}$: chiều dài: 88mm ($3\frac{1}{2}$ inch), đường kính: 0.7 mm (Gauge 22). + Kim 25G $3\frac{1}{2}$: chiều dài: 88mm ($3\frac{1}{2}$ inch), đường kính: 0.5 mm (Gauge 25). + Kim 27G $3\frac{1}{2}$: chiều dài: 88mm ($3\frac{1}{2}$ inch), đường kính: 0.4 mm (Gauge 27). Đạt tiêu chuẩn ISO, CE.	cái	B.Braun Aesculap Japan Co.,Ltd Nhật Bản	Nhật Bản	Cái	350
		3.4 Kim châm cứu						
		Kim châm cứu các loại, các cỡ						
174	G03.174	Kim châm cứu các loại, các cỡ	Kim làm từ thép chuyên dụng, không gỉ, dẫn điện. Thân kim nhỏ và tay cầm chắc chắn. Đường kính kim: 0.14mm, 0.16mm, 0.18mm, 0.20mm, 0.22mm, 0.25mm, 0.26mm, 0.28mm, 0.30mm, 0.32mm, 0.35mm, 0.38mm, 0.45mm, 0.70mm. Chiều dài kim: 13mm (số 1), 25mm (số 2), 30mm (số 3), 40mm (số 4), 50mm (số 5), 60mm (số 6), 70mm - 75mm (số 7). Được đóng vỉ riêng biệt, tiệt trùng bằng ETO.	cái	Wujiang Jiachen Acupuncture Devices Co., Ltd - TQ/Trung quốc	Trung quốc	Cái	60000
		3.5 Dây truyền, dây dẫn						
		Dây dẫn, dây truyền dịch các loại, các cỡ (bao gồm cả chạc nối, bộ phân phối, cổng chia, ống nối đi kèm)						
175	G03.175	Bộ dây truyền dịch kim cánh bướm các Số	Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích ≥ 8.5 ml. Có bầu cao su tiếp thuốc. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây dẫn ≥ 1500 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Bộ	MPV - Việt Nam	Việt Nam	Bộ	10000

176	G03.176	Bộ dây truyền dịch kim cánh bướm các Số	Có khóa chỉnh lưu lượng lỏng vào ống dây phía dưới gắn vào bầu nhỏ giọt liền kim xuyên cắm chai. Phần đáy bầu có màng lọc dịch, phần kim xuyên cắm chai có phần dẫn khí và màng lọc khí. , kim truyền 2 cánh bướm	Cái	An Phú/Việt Nam	Việt Nam	Cái	15000
177	G03.177	Bộ dây truyền dịch kim cánh bướm các Số	Có kim cánh bướm.	Bộ	Weifang Huaxing Medical Instruments Co., Ltd;trung quốc	Trung Quốc	Bộ	15000
		Dây dẫn, dây truyền máu, truyền chế phẩm máu các loại, các cỡ						
178	G03.178	Bộ dây truyền máu	Dây dài ≥ 1500 mm làm từ chất liệu PVC y tế không chứa DEHP, không gây sốt, không độc hại, tiệt trùng bằng khí EO. Kim sắc, các cỡ. tốc độ dòng chảy 20 giọt/ml. Đầu khóa vận xoắn Luer Lock. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	Bộ	MPV - Việt Nam	Việt Nam	Bộ	150
		Dây nối đi kèm dây truyền các loại, các cỡ						
179	G03.179	Dây nối bơm tiêm điện	Dây nối có khóa kết nối luer lock được làm từ chất liệu PVC chiều dài các cỡ 30cm, 75cm, 140cm, 150cm. . Tiệt trùng bằng EO, không gây sốt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	Cái	MPV-Việt Nam	Việt Nam	Cái	100
		Khóa đi kèm dây dẫn, đi kèm hoặc không đi kèm dây truyền được dùng trong truyền dịch, truyền máu, truyền khí các loại, các cỡ						
180	G03.180	Khóa ba ngã không dây	- Không gây độc, gây sốt. Không gây tương tác khi truyền - Khóa luer dễ dàng kết nối với các loại kim, dây truyền - Tiệt trùng bằng khí EO	Cái	Hitec Medical- Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	500
181	G03.181	Khóa ba ngã không dây	Làm từ chất liệu Polycarbonate, HDPE, PP; tiệt trùng E.O.;, thể tích mỗi 0.2ml - 0.25ml	Cái	Polybond- Ấn Độ	Ấn Độ	Cái	500
		3.6 Găng tay						
		Găng cao su các loại, các cỡ						
		Găng tay chăm sóc, điều trị người bệnh các loại, các cỡ						
		Găng tay sử dụng trong thăm khám các loại, các cỡ						
182	G03.182	Găng cao su các loại, các cỡ S-M	Có kích cỡ S và M. Thuận cho cả tay trái và tay phải, dài 240mm.Độ dày trung bình 1 lớp áp dụng cho các cỡ tối thiểu: 0.08mm, Lực kéo đứt tối thiểu: ISO 9001:	Đôi	/Công ty cổ phần Merufa- Việt nam	Việt Nam	Đôi	90000
183	G03.183	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các số: 6.5-7.0-7.5-8.0	Có kích cỡ 6.5-7.0-7.5- 8.0. chiều dài min 280mm, chiều rộng lòng bàn tay size 6.5: 83±5mm, 7: 89±5mm, 7.5: 95±5mm; ; ISO 13485:	Đôi	/Công ty cổ phần Merufa- Việt nam	Việt Nam	Đôi	10000

184	G03.184	Găng tay sản khoa dài tay các cỡ	Dùng khám phụ khoa, sản khoa; đã tiệt trùng;Chiều dài 450mm. ISO 13485:2016. CE, FDA..	Đôi	/Công ty cổ phần Merufa- Việt nam	Việt Nam	Đôi	100
		Túi, bao gói tiệt trùng các loại, các cỡ						
185	G03.185	Túi máu đơn 250ml	Dung tích 250ml để đựng máu toàn phần, trong túi có 35ml dung dịch chống đông CPDA-1 (100ml CPDA-1 chứa: Citric Acid: 0.299g; Sodium Citrate: 2.63g, Monobasic Sodium phate:0.222g, Dextrose: 3.19g, Adenine 0,0275g). Ống dây lấy máu dài 980±40 mm, Đạt tiêu chuẩn ISO13485,.	Túi	Terumo BCT Vietnam Co., Ltd.;Việt Nam	Việt Nam	Túi	150
186	G03.186	Túi máu ba 250ml	Gồm 03 túi nối với nhau. Mỗi túi dung tích 250ml được nối với nhau. Trong đó: Túi thứ 1 để đựng máu toàn phần, trong túi có 35ml dung dịch chống đông CPD (100ml CPD chứa: Citric Acid: 0,299g; Sodium Citrate: 2.63g, Monobasic Sodium phosphate: 0,222g, Dextrose: 2,55g). Túi thứ 3 chứa 56ml dung dịch bảo quản hồng cầu AS-5 (trong 100ml dung dịch AS-5 chứa: Sodium Chloride: 0.877g; Dextrose: 0.818g; Adenin: 0.030g; Manitol: 0.525g). Ống dây lấy máu dài 980±40mm,Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE. .	Túi	Terumo BCT Vietnam Co., Ltd.;Việt Nam	Việt Nam	Túi	100
187	G03.187	Túi, bao gói tiệt trùng các loại, các cỡ (250mnx*100m); (350mn* 100m)	Gồm 2 lớp : 1 lớp giấy và 1 lớp film- Lớp giấy 70 gsm, có độ bền cơ học cao đảm bảo vi khuẩn không xâm nhập sau 1 lần tiệt trùng- Màng film 2 lớp : PET và CPP dày 52 mm- Phù hợp cho 2 loại tiệt trùng: bằng hơi nước và khí EO.	cuộn	Asimec;Việt Nam	Việt Nam	Cuộn	10
188	G03.188	Túi, bao gói tiệt trùng các loại, các cỡ (250mnx*100m); (350mn* 100m)	- Gồm 2 lớp : 1 lớp giấy và 1 lớp film - Lớp giấy 70 gsm, có độ bền cơ học cao đảm bảo vi khuẩn không xâm nhập sau 1 lần tiệt trùng - Màng film 2 lớp : PET và CPP dày 52 mm - Phù hợp cho 2 loại tiệt trùng: bằng hơi nước và khí EO.	cuộn	Asimec;Việt Nam	Việt Nam	Cuộn	10
189	G03.189	Túi ép dẹp tiệt trùng nhiệt độ cao kích thước 250mm x 200m	Gồm 2 mặt: 1 lớp giấy y tế 60 gsm chống nhiễm khuẩn đặc biệt, có khả năng chống lại các vi khuẩn xâm nhập vào dụng cụ tiệt trùng và 1 mặt bóng kính màng copolyme nhiều lớp làm từ PET / PP trong suốt. Đạt tuân theo tiêu chuẩn ISO 13485; CE.	cuộn	Anqing Kangmingna Packaging Co, Ltd/ Trung Quốc	Trung Quốc	Cuộn	5
190	G03.190	Túi ép dẹp tiệt trùng nhiệt độ cao kích thước 350mm x 200m	Gồm 2 mặt: 1 lớp giấy y tế 60 gsm chống nhiễm khuẩn đặc biệt, có khả năng chống lại các vi khuẩn xâm nhập vào dụng cụ tiệt trùng và 1 mặt bóng kính màng copolyme nhiều lớp làm từ PET / PP trong suốt. Đạt tuân theo tiêu chuẩn ISO 13485; CE.	Cuộn	Anqing Kangmingna Packaging Co, Ltd/ Trung Quốc	Trung Quốc	Cuộn	5
		Túi, lọ, cát-sét (cassette) đựng hoặc đo lượng chất thải tiết, dịch xả các loại, các cỡ						
191	G03.191	Túi đựng nước tiểu	Túi nước tiểu van xả chữ T dung tích 2000ml, chất liệu nhựa y tế đã tiệt trùng, không gây dị ứng. Sử dụng một lần vô trùng.	cuộn	Zhejiang Renon Medical Instrument Co., Ltd;Trung Quốc	Trung Quốc	Chiếc	700

192	G03.192	Túi đựng nước tiểu	Dung tích 2000ml, có bảng ghi thông tin bệnh nhân; Van xả thoát đáy chữ T, không có quai treo; Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:	Bộ	MPV-Việt Nam	Việt Nam	Bộ	700
		Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ						
193	G03.193	Ống nghiệm chống đông EDTA-K2	Chất liệu : Ống được làm bằng nhựa y tế PP , kích thước ống 12x75mm,. Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2)..	Ống	Công ty CP Đầu tư Y tế An Phú;Việt Nam	Việt Nam	Ống	25000
194	G03.194	Ống nghiệm chống đông Tri-Na Citrate 9NC/3,8% 2ml	-Chất liệu: Ống nghiệm kích thước 13x75mm,.sản xuất từ nhựa PP nguyên sinh không độc,	Ống	MPV-Việt Nam	Việt Nam	Ống	5000
195	G03.195	Ống nghiệm chống đông Heparin	Chất liệu Ống được làm bằng nhựa y tế PP, nắp bằng nhựa LDPE Được bơm hóa chất chống đông Lithium Heparin dưới dạng hạt sương, Kích thước ống 12x75mm. .	Ống	Công ty CP Đầu tư Y tế An Phú;Việt Nam	Việt Nam	Ống	25000
196	G03.196	Ống nghiệm tách huyết thanh Serum	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, nắp bằng nhựa LDPE Kích thước ống 12x75mm, có vạch định mức lấy mẫu.	Ống	Công ty CP Đầu tư Y tế An Phú;Việt Nam	Việt Nam	ống	1500
		Túi hậu môn nhân tạo						
197	G03.197	Túi hậu môn nhân tạo	Túi hậu môn nhân tạo 1 mảnh, túi xả, màu da, phần đế làm từ hydrocolloid, túi mềm mại, để có kích thước cắt tối đa 70mm Đạt tiêu chuẩnISO, CE.	Túi	B. Braun Medical SAS/Pháp	Pháp	Túi	100
		Ca-nuyn (cannula) các loại, các cỡ						
198	G03.198	Canuyn mayo (nhựa) các số	• Được làm từ Polyethylene không độc hại. • Size có sẵn: - Size 0 - 60mm - đen # 50 cái/hộp. - Size 1 - 70mm - trắng # 50 cái/hộp. - Size 2 - 80mm - xanh lá # 50 cái/hộp. - Size 3 - 90mm - vàng # 50 cái/hộp. - Size 4 - 100mm - đỏ #	Túi	Ningbo Greetmed Medical Instruments Co., Ltd.;Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	60
		Ống ca-nuyn (cannula) mở khí quản các loại, các cỡ						
199	G03.199	Canuyn mở khí quản bạc	Làm bằng nhựa PVC trong và không độc hại, được khử trùng bằng khí EO Các số: 6.0 / 6.5 / 7.0 / 7.5 / 8.0.	cái	Hangzhou jinlin medical appliances co.,LTD (Kyoling);Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	50
		Ống nội khí quản sử dụng một lần các loại, các cỡ (bao gồm ống nội khí quản canlene)						

200	G03.200	Ống đặt nội khí quản có bóng các số	Được sản xuất bằng chất liệu nhựa PVC, có tia cân quang dọc thân ống. được tiệt trùng 100% bằng khí EO.	Cái	Hitec Medical Co., Ltd;Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	200
201	G03.201	Ống đặt nội khí quản không bóng các cỡ	Đầu nối tiêu chuẩn 15mm, Có các cỡ: từ 2.5 – 10.0. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	Hitec Medical-Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	250
202	G03.202	Ống đặt nội khí quản các số	Chất liệu làm bằng chất liệu nhựa PVC, có tia cân quang dọc thân ống. Sản phẩm được tiệt trùng 100% bằng khí EO.	cái	Hitec Medical Co., Ltd;Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	200
		Thông (sonde) các loại, các cỡ						
		Ống (sonde) rửa dạ dày các loại, các cỡ						
203	G03.203	Sonde dạ dày	Các cỡ 5, 6,8,10,12,14,16,18. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:	Cái	MPV - Việt Nam	Việt Nam	Cái	1200
		Ống dẫn lưu (drain) các loại, các cỡ						
204	G03.204	Sonde dẫn lưu ổ bụng các số	Dây trơn láng, mềm dẻo và trong suốt, không gây động dịch máu trong dây	cái	Forte Grow - Việt Nam	Việt Nam	Cái	200
		Ống, dây hút đờm, dịch, khí, mỡ các loại, các cỡ						
205	G03.205	Sonde hút nhớt các số	Các số 5, 6,8,10,12,14,16. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Độ dài 500mm. Gồm 2 loại có nắp hoặc không có nắp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	cái	MPV-Việt Nam	Việt Nam	Cái	1000
206	G03.206	Dây hút dịch phẫu thuật	Kích thước Các cỡ, bề ngoài thân ống dây dẫn có rãnh chống bẹp, dẻo dai và độ đàn hồi cao Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Cái	MPV-Việt Nam	Việt Nam	Cái	20
		Bộ dây thở ô-xy dùng một lần các loại, các cỡ						
207	G03.207	Dây thở oxy 2 nhánh	Các cỡ sơ sinh, trẻ em, người lớn . Dây dẫn chính có chiều dài 2000 mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC.Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Cái	MPV-Việt Nam	Việt Nam	Sợi	1000
		Ống nối, dây nối , chạc nối (adapter) dùng trong thiết bị các loại, các cỡ						
		4.4 Catheter						
		Ống thông (catheter) các loại, các cỡ						

208	G03.208	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng 7F, kim thẳng G16/G18/G18, dài 20cm	Bộ ống thông làm từ vật liệu PU. 3 nòng 7F kim thẳng G16/G18/G18, dài 20cm Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC.	Bộ	Guangdong Baihe Medical Technology Co., Ltd;Trung Quốc	Trung Quốc	Bộ	10
209	G03.209	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng 7F, kim thẳng G16/G18/G18, dài 20cm	Bộ ống thông (Catheter) được đặt vào tĩnh mạch trung tâm trong ICU, Can thiệp tim mạch... Bộ được đóng gói vô khuẩn, có đủ: Catheter 2 nòng, Kim và xi lanh 5ml, Cây nong, Kẹp di động để chặn khóa dòng chảy.	Bộ	Guangdong Baihe Medical Technology Co., Ltd;Trung Quốc	Trung Quốc	Bộ	5
210	G03.210	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng 7F, kim thẳng G16/G18/G18, dài 20cm	Bộ ống thông làm từ vật liệu PU. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC.	Bộ	Guangdong Baihe Medical Technology Co., Ltd;Trung Quốc	Trung Quốc	Bộ	5
		5.2 Chỉ khâu						
211	G03.211	Kim khâu da	• Được sản xuất bằng thép đầu kim nhọn, sắc nhọn.	cái	Ningbo Greetmed Medical Instruments Co., Ltd.;Trung Quốc	Trung Quốc	cái	500
212	G03.212	Kim khâu ruột	• Được sản xuất bằng thép đầu kim nhọn, sắc nhọn.	cái	Ningbo Greetmed Medical Instruments Co., Ltd.;Trung Quốc	Trung Quốc	cái	500
		Chỉ cố định thủy tinh thể nhân tạo các loại, các cỡ						
		Chỉ khâu đặc biệt các loại, các cỡ						
		Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ						
213	G03.213	Chỉ khâu không tiêu Nylon số 2/0 dài 45 cm	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp đơn sợi số 2/0 dài 75cm, kim tam giác ngược dài 24-26mm 3/8 vòng tròn,Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE; FDA ;	Sợi	Kollsut International Inc./ Mỹ	Mỹ	Sợi	2000
		Chỉ khâu không tiêu Nylon 3(2/0)75cm 3/8	Chỉ khâu không tiêu đơn sợi số 2/0 kim tam giác 3/8 chiều dài chỉ 75cm , chiều dài kim 26, kim làm từ thép không gỉ,	Tép	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế - Việt Nam	Việt Nam	Tép	500
		Chỉ Dafilon số 2/0	Chỉ khâu không tan tổng hợp đơn sợi số 2/0 dài 75cm. Kim tam giác 3/8 vòng tròn dài 24mm, kim bằng thép	Sợi	B.Braun/ Tây Ban Nha	Tây Ban Nha	Sợi	500
214	G03.214	Chỉ khâu không tiêu Nylon số 3/0 75cm	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp đơn sợi số 3/0 dài 75cm, kim tam giác ngược dài 24-26mm 3/8 vòng tròn,Tiêu chuẩn: ISO 13485,	Sợi	Kollsut International Inc/ Mỹ .	Mỹ	Sợi	500

215	G03.215	Chỉ Dafilon số 3/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi số 3/0 dài 75cm. Kim tam giác 3/8 vòng tròn dài 24mm,	Sợi	B.Braun/ Tây Ban Nha	Tay Ban Nha	Sợi	500
216	G03.216	Chỉ khâu không tiêu Nylon số 4/0 75cm	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi số 4/0 dài 75cm, kim tam giác ngược dài 19mm 3/8 vòng tròn, Tiêu chuẩn: ISO 13485,	Sợi	Kollsut International Inc/ Mỹ .	Mỹ	Sợi	800
217	G03.217	Chỉ Dafilon số 4/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi số 4/0 dài 75cm. Kim tam giác 3/8 vòng tròn dài 19mm, phủ silicone.	Sợi	B.Braun/ Tây Ban Nha	Tay Ban Nha	Sợi	500
218	G03.218	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi (PolyPropylene), số 2/0	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi PolyPropylene , số 2/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu tam giác dài 26mm 1/2 vòng tròn, Tiêu chuẩn: ISO 13485,	Sợi	/Kollsut International Inc/ Mỹ	Mỹ	Sợi	500
219	G03.219	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi (Polypropylene) số 2/0	Chỉ không tiêu đơn sợi Polypropylene 2/0 kim tròn 1/2 chiều dài chỉ 75cm , chiều dài kim 26,	Sợi	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế - Việt Nam	Việt Nam	Tép	500
220	G03.220	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi (PolyPropylene), số 3/0	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi PolyPropylene , số 3/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn dài 26mm 1/2 vòng tròn, Tiêu chuẩn: ISO 13485,	Sợi	/Kollsut International Inc./ Mỹ	Mỹ	Sợi	500
		Chỉ khâu liền kim các loại, các cỡ						
221	G03.221	Chỉ khâu liền kim Chromic Cutgut số 1 dài 75cm	Chỉ tiêu thiên nhiên , đơn sợi, số 1 kim tròn 1/2 chiều dài chỉ 75cm , chiều dài kim 40, kim làm từ thép không gỉ, Giữ vết khâu tốt trong 14-21 ngày. Tan hoàn toàn sau 90 ngày. .	Tép	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế - Việt Nam	Việt Nam	Tép	1000
222	G03.222	Chỉ khâu liền kim Chromic Cutgut số 2/0 dài 70cm-75cm	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 2/0 dài 75cm kim tròn 1/2C dài 26mm. . Tiêu chuẩn ISO CE -	Sợi	SMI-Bi	Bi	Sợi	1500
223	G03.223	Chỉ khâu liền kim Chromic Cutgut số 3/0 dài 70cm-75cm	Chỉ tiêu thiên nhiên , đơn sợi, 3/0 kim tròn 1/2 chiều dài chỉ 75cm , chiều dài kim 26, Giữ vết khâu tốt trong 14-21 ngày. Tan hoàn toàn sau 90 ngày. .	Tép	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế - Việt Nam	Việt Nam	Tép	300
224	G03.224	Chỉ khâu liền kim Polyglactin 910 số 1 dài 90cm	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, số 1 dài 90cm, kim tròn đầu tròn dài 40mm 1/2 vòng tròn, làm từ thép không gỉ Sức căng chỉ còn 50% sau 3 tuần, tiêu hoàn toàn trong 56-70 ngày. Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE; FDA	Sợi	Kollsut International Inc./ Mỹ	Mỹ	Sợi	1500
225	G03.225	Chỉ phẫu thuật coated VICRYL số 1 dài 90cm, kim tròn đầu tròn 40mm, 1/2C	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, chỉ số 1, dài 90cm, kim tròn đầu tròn , dài 40mm, 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày	Sợi	Johnson & Johnson MEDICAL GmbH/ Đức	Đức	Sợi	1000

226	G03.226	Chỉ khâu liền kim Polyglactin 910 số 2/0 dài 75cm	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, , số 2/0 dài 70-75cm, kim tròn đầu tròn dài 26mm 1/2 vòng tròn, Sức căng chỉ còn 50% sau 3 tuần, tiêu hoàn toàn trong 56-70 ngày. Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE; FDA.	Sợi	Kollsut International Inc./ Mỹ	Mỹ	Sợi	500
227	G03.227	Chỉ phẫu thuật coated VICRYL số 3/0 dài 75cm, kim taper point plus 26mm, 1/2C	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 3/0 dài 75cm, kim tròn đầu tròn, dài 26mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, CFS..	Sợi	Johnson & Johnson MEDICAL GmbH/ Đức	Đức	Sợi	300
		Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao radio, dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao và dây dao)						
228	G03.228	Tay dao điện 3 giác cầm bằng thép không gỉ	Đầu 3 giác nối với dây dài 3m. Tiêu chuẩn ISO 13485:2003; CE.	Cái	Yueh Sheng Electronic Industrial Co., Ltd.;Đài Loan (Trung Quốc)	Trung Quốc	Cái	10
229	G03.229	Lưỡi dao mổ vô trùng các số	Thép không rỉ các số.	Cái	SMI A.G;Bi	Bi	Cái	1200
		Bơm áp lực các loại, các cỡ						
230	G03.230	Bơm Karman 1 van	Bơm được làm bằng nhựa không latex. Đóng gói: đóng gói riêng biệt từng túi .	cái	WomanCare Global; Pacific Hospital Supply Co., Ltd;Hoa Kỳ;	Hoa kỳ	cái	3
		Phim X- quang các loại, các cỡ						
231	G03.231	Phim X-Quang số hóa laser 25cm x 30cm	Phim khô laser cỡ 25x30 cm , hộp 150 tờ, sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. Mật độ tối đa 3.3.	150 tờ/hộp	Fujifilm Shizuoka Co., LTD. / Nhật Bản	Nhật Bản	Tờ	32000
232	G03.232	Phim khô y tế cỡ 35 x43 cm	Phim nhiệt khô Kích cỡ: 35X43cm Sử dụng công nghệ CEo Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp phim, lớp nhạy nhiệt, lớp bảo vệ. ISO 13485, CE	100 tờ/ hộp	FUJIFILM SHIZUOKA Co.,Ltd - Nhật Bản/Nhật Bản	Nhật Bản	Tờ	2000
		Bộ dụng cụ phẫu thuật trĩ bằng dòng điện cao tần các loại, các cỡ (bao gồm: Bộ phẫu thuật trĩ (HCPT), kẹp cầm máu phẫu thuật trĩ, dụng cụ đông ngưng, bộ dây dẫn cao tần)						
		Bộ đặt dẫn lưu thận qua da các loại, các cỡ (bao gồm: Kim chọc, ống thông để nông, ống thông (sonde) J-J, ống thông để đặt dẫn lưu ra ngoài)						
233	G03.233	Sonde JJ (Stent niệu quản)	Chất liệu làm bằng Polyurethane, Thời gian đặt lên tới 30 ngày. Hai đầu xoắn hình, có lỗ dẫn lịch. Một bộ gồm xông JJ, . Kích thước: 4,7/5/6/7/8Fr. Chiều dài: 16/24/26/28/30cm	cái	Marflow AG/ Thụy Sĩ	Thụy Sĩ	Cái	100
234	G03.234	Sonde Foley 3 nhánh cỡ số	Chất liệu cao su, bề mặt ống phủ Silicone , độ cong thích hợp. Trơn láng không gây tổn thương, không gây kích ứng da.	ống	Zhanjiang Star Enterprise Co., Ltd.;Trung Quốc	Trung Quốc	ống	100

235	G03.235	Sonde Foley 2 nhánh cỡ số	Kích thước .(8FR (3ml);10FR (3ml-5ml); 24FR(30ml);26FR(30ml)) Chất liệu cao su, bề mặt ống phủ Silicone , độ cong thích hợp. Tron lảng không gây tổn thương, không gây kích ứng da.	Ống	Zhanjiang Star Enterprise Co., Ltd.;Trung Quốc	Trung Quốc	Ống	300
236	G03.236	Sonde Foley 2 nhánh cỡ số	Kích thước .(12FR (30ml);14FR (30ml);16FR (30ml); 18FR (30ml); 20FR (30ml);22FR (30ml)) Chất liệu cao su, bề mặt ống phủ Silicone , độ cong thích hợp. Tron lảng không gây tổn thương, không gây kích ứng da.	Ống	Zhanjiang Star Enterprise Co., Ltd.;Trung Quốc	Trung Quốc	Ống	1300
237	G03.237	Sonde Nelaton các số	Ống dài 40cm, bằng cao su. Đầu hờ với 2 lỗ bên giúp dẫn lưu tối đa. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE.	Cái	Sainty - Trung Quốc	Trung Quốc	cái	700
		Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ						
238	G03.238	Kim cấy chi	Kim cấy chi vô trùng dùng một lần - Bao gồm các thành phần chính: Ống bảo vệ, Thân Kim, Lõi kim - Thân kim và lõi kim được sản xuất từ sợi thép y tế không biến tính..	Cái	Wuxi Jiajian Medical Instrument Co.,Ltd;Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	10
		NẸP VÍT KHÓA THƯỜNG, Chất liệu Titanium						
239	G03.239	Nẹp khóa mắt xích thẳng các cỡ	Chất liệu titanium Gồm các loại 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 18 lỗ. Độ dày nẹp 3.0mm, chiều rộng 10mm, chiều dài nẹp từ 64mm - 233mm.	Cái	Kanghui Medical/ Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	5
240	G03.240	Nẹp khóa bản nhỏ dày 3.0 các cỡ	Chất liệu titanium Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, Số lỗ từ 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 lỗ,. Độ dày nẹp 3.0mm, chiều rộng nẹp 9.5mm, chiều dài nẹp từ 60mm - 164mm.	Cái	Kanghui Medical/ Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	5
241	G03.241	Nẹp khóa bản nhỏ dày 3.6mm các cỡ,	,Chất liệu titanium Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, Số lỗ gồm các loại 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 , 11, 12 lỗ, . Độ dày nẹp 3.6mm, chiều rộng 11mm, chiều dài nẹp từ 51mm - 155mm.	Cái	Kanghui Medical/ Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	5
242	G03.242	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay mặt ngoài	Chất liệu titanium, Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, Sử dụng hệ thống vít 2.7 và 3.5mm, Nẹp mặt ngoài: Số lỗ đầu: 6 lỗ, số lỗ thân: 3, 5, 7, 9 lỗ, Trái/phải, , Dày 2.5mm, rộng 11.2mm. Chiều dài từ 65mm - 143mm. Nẹp mặt trong: Số lỗ đầu: 3 lỗ dùng vít 2.7mm, số lỗ thân: 3, 5, 7, 9 lỗ, Trái/phải, , Dày 2.5mm, rộng 11.2mm. Chiều dài từ 59mm - 136mm.	Cái	Kanghui Medical/ Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	5
243	G03.243	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay các loại,	Chất liệu titanium , Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt. Loại ngắn : Gồm các loại 3, 5, 2 lỗ. Độ dày 3.6mm, bề rộng 12mm. Chiều dài từ 84mm - 108mm. Loại dài: Gồm các loại 5, 6, 8, 10, 12 lỗ. Độ dày 3.6mm, bề rộng 12mm. Chiều dài từ 132mm - 258mm.	Cái	Kanghui Medical/ Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	5
244	G03.244	Nẹp khóa đầu dưới xương quay chữ T mặt lưng các cỡ,	Chất liệu titanium , Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, Độ dày từ 1.6mm, chiều rộng từ 6.5mm. Chiều dài từ 42 đến 102mm.	Cái	Kanghui Medical/ Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	5
245	G03.245	Nẹp khóa xương đòn chữ S các cỡ	Chất liệu titanium. Độ dày 2.5mm, rộng 10mm. Chiều dài từ 61.8 đến 127.7mm tương ứng với số lỗ từ 6-12 lỗ, trái/phải các cỡ	Cái	Kanghui Medical/ Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	4

246	G03.246	Nẹp khóa xương đòn chữ S các cỡ	'- Rộng 105mm; dày 3.2mm - Số lỗ: 6,7,8,9,10 dài 88,5/101/113,5/126/136,5mm - chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe) (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe) - dùng kết hợp với: + vít khóa Ø 3.5 mm + vít cứng Ø 3.5 mm	Cái	Normmed Medikal Ve Makina San. Tic. Ltd. Sti/ Thổ Nhĩ Kỳ	Trung Quốc	Cái	3
247	G03.247	Nẹp khóa xương đòn tái tạo mặt trước trên	Chất liệu titanium , Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, Độ dày 3mm, rộng 10.5mm. gồm các loại 6, 7, 8 lỗ, trái/ phải các loại. Chiều dài từ 103.2 đến 122.5mm.	Cái	Kanghui Medical/ Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	5
248	G03.248	Nẹp khóa bản rộng các cỡ, Chất liệu Titanium	Chất liệu titanium, Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, Gồm các loại 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 lỗ,. Độ dày nẹp 6.0mm, chiều rộng 17.5mm. Chiều dài nẹp từ 107mm - 323mm.	Cái	Kanghui Medical/ Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	5
249	G03.249	Nẹp khóa bản rộng các cỡ	6 đến 16 lỗ dài 114 - 294mm, dày 5mm, rộng 18mm,có xẻ rãnh ít tiếp xúc, kết hợp lỗ khóa và lỗ thường giúp linh hoạt trong việc lựa chọn vít, khoảng cách giữa các lỗ 18mm, sử dụng vít khóa đk 5.0mm mũi vít hoa thị giúp chống trượt. Chất liệu titanium . Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	Cái	Suzhou Xinrong Best Instrument Co.,LTD Trung Quốc	Trung Quốc	cái	5
250	G03.250	Nẹp khóa bản hẹp các cỡ	Chất liệu titanium Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, Gồm các loại 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14 và 16 lỗ,. Độ dày nẹp 4.8mm, chiều rộng nẹp 13.5mm. Chiều dài nẹp từ 89mm - 287mm.	Cái	Kanghui Medical/ Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	8
251	G03.251	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi các cỡ,	Chất liệu titanium Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, gồm các loại 5, 7, 9, 11, 13 lỗ ở thân,. Độ dày nẹp 6mm, chiều rộng nẹp 16mm. Trái/phải các loại, Chiều dài nẹp từ 156mm đến 316mm.	Cái	Kanghui Medical/ Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	5
252	G03.252	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt Trong/ngoài các cỡ	Chất liệu titanium, Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt Nẹp mặt ngoài gồm các loại 5, 7, 9, 11 và 13 lỗ ở thân,. Độ dày nẹp 4.2mm, chiều rộng nẹp 16mm. Chiều dài nẹp từ 140mm đến 300mm. Nẹp mặt trong gồm: dày 3.8mm, rộng 14m, 3 lỗ đầu, số lỗ thân từ 4- 13 lỗ, tương ứng với chiều dài từ 84mm- 228mm	Cái	Kanghui Medical/ Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	7
253	G03.253	Nẹp khóa đầu trên xương đùi các cỡ,	Chất liệu titanium Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, gồm các loại 4, 6, 8, 10 và 12 lỗ ở thân. Đầu có 5 lỗ,. Độ dày nẹp 5.2mm, chiều rộng 18.0mm, Trái/phải các loại, Chiều dài nẹp từ 145mm đến 305mm.	Cái	Kanghui Medical/ Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	5
254	G03.254	Nẹp khóa đầu dưới xương chày mặt trong/ Ngoài	Chất liệu titanium Lỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, Nẹp mặt trong: Độ dày 4.2mm, độ rộng 13.7mm, Có 8 lỗ đầu, số lỗ thân : 4,6,8,10 lỗ, Trái/phải riêng biệt, Chiều dài nẹp từ 116mm đến 194mm. Nẹp mặt ngoài chữ L: dày 3.8mm, rộng 14m, 3 lỗ đầu, số lỗ thân từ 4-10 lỗ, tương ứng với chiều dài từ 83.2mm- 179.2mm	Cái	Kanghui Medical/ Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	5
255	G03.255	Nẹp khóa đầu dưới xương mác,	Chất liệu titaniumLỗ khóa và lỗ thường riêng biệt, sử dụng hệ thống vít 2.7 và 3.5mm, Số lỗ đầu 5 lỗ, Số lỗ thân từ 3 đến 15,. Độ dày nẹp 2.5mm, chiều rộng nẹp 10.5mm. Chiều dài nẹp từ 86mm đến 242mm.	Cái	Kanghui Medical/ Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	5

256	G03.256	Vít khóa đường kính 3.5mm ,	Chất liệu titanium Alloy, tự taro. Đường kính 3.5mm, đường kính lõi 2.7mm. Chiều dài từ 10 - 50mm bước ren tăng 2mm; Chiều dài 45-80mm bước ren tăng 5mm.	Cái	Kanghui Medical/ Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	15
257	G03.257	Vít xương cứng 3.5mm, ,	'- Mũ vít khóa bên trong hình lục năng 6 cạnh - đường kính ren 3.5mm; dài từ 10mm đến 70mm - chất liệu hợp kim Titan, chuẩn ISO 5832-3 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe)	Cái	Normmed Medikal Ve Makina San. Tic. Ltd. Sti/ Thổ Nhĩ Kỳ	Trung Quốc	Cái	15
258	G03.258	Vít khóa đường kính 2.7mm ,	Chất liệu titanium Đường kính 2.7mm, đường kính lõi vít 2.1mm. Chiều dài từ 6 - 60mm, bước tăng 2mm.	Cái	Kanghui Medical/ Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	80
259	G03.259	Vít xương cứng 4.5mm, tự taro	Chất liệu titanium Đường kính 4.5mm, đường kính lõi 3mm. Chiều dài từ 14 - 60mm bước ren 2mm; Chiều dài từ 60 - 75mm bước ren 5mm.	Cái	Kanghui Medical/ Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	60
260	G03.260	Vít xỏ đường kính 4.0mm ,	Chất liệu titanium. Đường kính 4.0mm. Chiều dài từ 10 đến 65mm, ren bán phần.	Cái	Kanghui Medical/ Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	50
261	G03.261	Đinh Kitsner các cỡ, Vật liệu thép không gỉ	Đường kính từ 1.0 đến 3.5mm, dài từ 150 đến 400mm. Tiêu chuẩn ISO, CE, chất liệu thép không gỉ.	Cái	AF Medical GmbH - Đức	Đức	Cái	100
262	G03.262	Đinh Kitsner các cỡ, Vật liệu thép không gỉ	ĐK 0.8 đến 3.0mm, dài từ 280mm đến 310mm, một đầu nhọn. Chất liệu thép y tế ko gỉ. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	Cái	Suzhou Xinrong Best Instrument Co.,LTD Trung Quốc	Trung Quốc	cái	70
263	G03.263	Mũi khoan xương các cỡ, Vật liệu thép không gỉ	ĐK 1.2, 1.5, 1.8, 2.0, 2.5, 2.7 3.0, 3.2, 3.5, 4.0, 4.5mm, dài 115mm. Chất liệu thép y tế ko gỉ. Tiêu chuẩn ISO 13485-EC	Cái	Suzhou Xinrong Best Instrument Co.,LTD Trung Quốc	Trung Quốc	cái	15
		VẬT TƯ RĂNG HÀM MẶT						
264	G03.264	Nẹp mini hàm trên 6 lỗ	Chất liệu Titanium. Nẹp mini hàm trên 6 lỗ thẳng cho vít titan 2.0 mm; dày 1mm, rộng 5mm. ISO 13485:	Cái	Dimedra -Đức	Đức	Cái	5
265	G03.265	Nẹp mini hàm trên 8 lỗ	Nẹp mặt thẳng 8 lỗ cho vít 2.0mm; độ dày nẹp 1.0mm; chất liệu Titanium độ 3 TS-3-2. Sử dụng tuốc nơ vít SDH4. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485;	Cái	BioMaterials Korea, Inc/ Hàn Quốc	Hàn Quốc	Cái	5
266	G03.266	Nẹp Cong mini hàm trên 6 lỗ	Chất liệu Titanium. Loại 4lỗ,6,8 lỗ, cong, làm vít 2.0. Có chứng nhận EN ISO 13485:2016	Cái	Dimedra -Đức	Đức	Cái	5
267	G03.267	Nẹp macxi hàm dưới 6 lỗ	Chất liệu Titanium. Loại 6 lỗ, dày 1.5mm. làm vít 2.3. Có chứng nhận EN ISO 13485:	Cái	Dimedra -Đức	Đức	Cái	5
268	G03.268	Nẹp góc hàm chữ V 6 lỗ	Chất liệu Titanium. Loại 6 lỗ, dày 1.5mm. làm vít 2.3, có khoảng cách bậc cầu 5 mm. Có chứng nhận EN ISO 13485:	Cái	Dimedra -Đức	Đức	Cái	5
269	G03.269	Vít mini 2.0 các cỡ	Chất liệu titanium - Vít Ø 2.0 mm: đường kính mũ vít 3.0 mm; đường kính thân vít 2.0 mm, dài 5-17 mm. Làm cho nẹp mini hàm trên - Đầu vít hình chữ thập - Vít tự khoan, tự taro - Đường rãnh trên mũ vít chế tạo đảm bảo không bị nhờn, lỏng khi bắt, không toe đầu	Cái	Dimedra -Đức	Đức	Cái	10

270	G03.270	Vít mini 2.0 các cỡ	Vít dài 4,5,6,7,8,9,11,13,15,17,19mm, màu trắng sáng, đầu mũ vít chữ thập, chất liệu hợp kim Titanium Hỗ trợ tuốc nơ vít SDH4. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE, FDA	Cái	BioMaterials Korea, Inc/ Hàn Quốc	Hàn Quốc	Cái	10
		Băng keo thử nhiệt các loại, các cỡ						
271	G03.271	Băng chỉ thị hấp ướt	Được làm bằng giấy phủ keo dính Acrylic và vạch mực chỉ thị hóa học.	cuộn	3M Canada Co.;Canada	Canada	Cuộn	70
272	G03.272	Băng chỉ thị hấp khô	Kiểm soát tiếp xúc, độ dày: 0.14mm, lực dính trên thép : 7N/25mm, Độ kéo giãn : 107N/25mm. Mực in trên bề mặt của băng chuyển từ màu xanh lục sang nâu để cho thấy sản phẩm đã trải qua chu trình tiệt trùng bằng nhiệt độ khô. .	cuộn	Informer Med;Ý	Ý	Cuộn	70
273	G03.273	Chỉ thị hóa học đa thông số (Hấp ướt), sử dụng bên trong gói dụng cụ 1243A	Đủ 3 điều kiện về nhiệt độ cần thiết - thời gian - áp suất hơi nước, túi mực sẽ tan chảy và thấm vô bắc giấy hình thành vạch chỉ thị hóa học. + Paper 75% + Salicylamide 2% - 3%.	500 miếng/gói	3M Company;Hoa Kỳ	Hoa kỳ	Hộp	5
274	G03.274	Chỉ thị hóa học đơn thông số (Hấp ướt), có keo Acrylate, sử dụng bên trong gói dụng cụ 1.5 cm x 20 cm (1250)	* Chỉ thị hóa học hơi nước 1250 là một dải giấy được in bằng mực chỉ thị hóa học chuyển từ trắng sang nâu sậm hoặc đen khi tiếp xúc với hơi nước trong quá trình tiệt khuẩn	Hộp	3M Company;Hoa Kỳ	Hoa kỳ	Hộp	5
		Bao bọc camera dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các loại, các cỡ						
		Đầu côn các loại, các cỡ						
175	G03.175	Đầu côn vàng	TC.EC	cái	Nantong Renon - Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	20000
276	G03.276	Đầu côn xanh	TC:EC:	cái	Nantong Renon - Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	8000
		Đầu dây tán sỏi đường mật nội soi các loại, các cỡ						
277	G03.277	Rọ lấy sỏi và dị vật	. . Kích thước: 3/4Fr. Số dây của rọ: 4. Chiều dài: 70/90/120cm.	Cái	Marflow AG/ Thụy Sĩ	Thụy Sĩ	Cái	40
		Đè lưới (gỗ, inox, sắt) các loại, các cỡ						
278	G03.278	Đè lưới gỗ tiệt trùng	- Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, ISO 14001, ISO 9001	cái	Công ty Cổ Phần Tanaphar - Việt Nam	Việt Nam	Cái	3000
		Miếng dán điện cực, điện cực dán, đệm điện cực các loại, các cỡ						

279	G03.279	Điện cực tim nền xốp	Hình dạng: Tròn Mặt sau: Bột PE Gel: gel Aquatic Cảm biến: Cảm biến Ag / AgCl Kích thước: 3,7x3,3mm.	Cái	Ludlow Technical Products - Canada	Canada	Cái	1000
280	G03.280	Miếng dán điện tim	Hình dạng: Tròn Mặt sau: Bột PE Gel: gel Aquatic Cảm biến: Cảm biến Ag / AgCl Kích thước: 3,7x3,3mm.	Cái	Ludlow Technical Products - Canada	Canada	Cái	500
		Kìm, khóa, kẹp (clip, clamp) các loại, các cỡ						
281	G03.281	Clips cầm máu bằng titan	Nguyên liệu: Titanium; Kẹp được mạch máu cỡ 3.5 mm đến 7.5 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE;	Vi 6 cái	Locamed Limited/ Anh	Anh	Miếng	200
282	G03.282	Kẹp hemolor	ISO 9001: Vi 6 cái		Locamed Limited/ Anh		cái	200
		Mặt nạ (mask) các loại, các cỡ						
283	G03.283	Mặt nạ xông khí dung	Các cỡ M,L,XL. Dây dẫn chính có chiều dài 2 m. Mask nối liền với túi và dây. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Cái	MPV- Việt Nam	Việt Nam	Cái	1000
284	G03.284	Mask thở oxy Sơ sinh, NL+TE	Mặt nạ khí dung làm bằng nhựa PVC y tế, kẹp mũi có thể điều chỉnh. Dây chống xoắn 2m, màu sắc trong suốt.	Cái	Henso Medical (Hangzhou) Co., Ltd.;Trung Quốc	Trung Quốc	Cái	1000
		Bộ gây tê ngoài màng cứng các loại, các cỡ						
285	G03.285	Bộ gây tê ngoài màng cứng	• Kim đầu cong 18G dài 3 1/4", thân kim có chia vạch. • Catheter bằng polyamid không bị gây gập, dài 1000mm, có đường cân quang ngầm. • Có bơm tiêm giảm kháng lực giúp xác định màng cứng dễ dàng và chính xác: • Màng lọc với kích thước lỗ lọc 0.2 micron giúp tiêm thuốc an toàn và vô khuẩn. • Bơm tiêm 20ml, bơm tiêm 3ml và • Kim tiêm đi kèm: + Kim 25G, dài 16mm, đường kính 0,5mm + Kim 21G, dài 40mm, đường kính 0,8mm + Kim 18G, dài 40mm, đường kính 1,2mm. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE.	Bộ	B.Braun Medical Industries Sdn.Bhd Malaysia	Malaysia	Bộ	2
	Tổng cộng: 285 KM							